

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên**

**: Trần Thị Hương  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Mai Quyên**

**HẢI PHÒNG – 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên**

**: Trần Thị Hương  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Mai Quyên**

**HẢI PHÒNG – 2015**

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Thị Hương

Mã SV: 1112401291

Lớp: QT1502K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

**1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Khảo sát đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:**

**Số liệu năm 2014**

**3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày    tháng    năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày    tháng    năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2015***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2015*  
**Cán bộ hướng dẫn**

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG I.....	2
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP ...	2
1.1. Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản.....	2
1.1.2.1. Doanh thu.....	2
1.1.2.2. Chi phí.....	5
1.1.2.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .....	7
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu .....	8
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	12
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	15
1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính .....	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khácError! Bookmark not defined.	
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanhError! Bookmark not defined.	
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	29
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	29
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	29
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ ..Error! Bookmark not defined.	
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từError! Bookmark not defined.	
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính ..Error! Bookmark not defined.	
CHƯƠNG II.....	Error! Bookmark not defined.

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐIỆN MÁY NGỌC AM..... Error! Bookmark not defined.**

**2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH điện máy Ngọc Am ..... Error! Bookmark not defined.**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công tyError! Bookmark not defined.**

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công tyError! Bookmark not defined.**

**2.1.3. Tình hình tổ chức của Công ty TNHH điện máy Ngọc Am . Error! Bookmark not defined.**

**2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty Error! Bookmark not defined.**

**2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty ..... 37**

**2.1.5.1. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty..... 37**

**2.1.5.2. Chứng từ kế toán Công ty áp dụng ..... 38**

**2.1.5.3. Chế độ kế toán áp dụng ..... 39**

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am..... 39**

**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ..... 39**

**2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty ..... 47**

**2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán ..... 47**

**2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệpError! Bookmark not defined.**

**2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính..... 59**

**2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khácError! Bookmark not defined.**

**2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanhError! Bookmark not defined.**

**CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM..... Error! Bookmark not defined.**

**3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am Error! Bookmark not defined.**

**3.1.1. Ưu điểm..... Error! Bookmark not defined.**

**3.1.2. Nhược điểm..... Error! Bookmark not defined.**



<b>3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am .</b>	<b>78</b>
<b>3.2.1. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty .....</b>	<b>78</b>
<b>3.2.2. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>3.2.3. Chính sách ưu đãi .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>3.2.4. Lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

**Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kctx .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kkdđk.....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....** 18

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....** 28

**Sơ đồ 1.10 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.....** 29

**Sơ đồ 1.11 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.12 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.13 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 1.14 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của công ty**ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty .....** ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.....** 38

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty..... ERROR!  
BOOKMARK NOT DEFINED.**

**Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Điện  
Máy Ngọc Am ..... 48**

**Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty  
TNHH Điện Máy Ngọc Am..... ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

**Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại  
công ty TNHH Điện Máy Ngọc Am ..... ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

**Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Điện Máy Ngọc Am..... ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

<b>Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT .....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.2. Giấy báo có .....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.3. Sổ nhật ký chung.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.4. Sổ cái TK 511.....</b>	<b>46</b>
<b>Biểu số 2.5. Phiếu xuất kho.....</b>	<b>49</b>
<b>Biểu số 2.6. Sổ nhật ký chung.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.7. Sổ cái TK 632.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.8. Sổ cái TK 156.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.9. Hóa đơn GTGT .....</b>	<b>55</b>
<b>Biểu số 2.10. Phiếu chi.....</b>	<b>56</b>
<b>Biểu số 2.11. Sổ nhật ký chung.....</b>	<b>57</b>
<b>Biểu số 2.12. Sổ cái TK 642.....</b>	<b>58</b>
<b>Biểu số 2.13. Giấy báo có .....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.14. Sổ nhật ký chung.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.15. Sổ cái TK515.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.16. Phiếu kế toán .....</b>	<b>67</b>
<b>Biểu số 2.17. Phiếu kế toán .....</b>	<b>67</b>
<b>Biểu số 2.18. Phiếu kế toán .....</b>	<b>68</b>
<b>Biểu số 2.19. Phiếu kế toán .....</b>	<b>68</b>
<b>Biểu số 2.20. Phiếu kế toán .....</b>	<b>69</b>
<b>Biểu số 2.21. Phiếu kế toán .....</b>	<b>69</b>
<b>Biểu số 2.22. Phiếu kế toán .....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.23. Phiếu kế toán .....</b>	<b>70</b>
<b>Biểu số 2.24. Sổ nhật ký chung.....</b>	<b>71</b>
<b>Biểu số 2.25. Sổ cái TK 821.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.26. Sổ cái TK 421.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.27. Sổ cái TK 911.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 2.28. Báo cáo KQHĐKD.....</b>	<b>75</b>
<b>Biểu số 3.1. Sổ nhật ký bán hàng .....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>Biểu số 3.2. Sổ nhật ký thu tiền.....</b>	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Những năm gần đây, nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế chuyển mình rõ rệt, những Công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất, chi phí bỏ ra thấp nhất thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại, phát triển mạnh mẽ và đứng vững trong nền kinh tế thị trường. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong quản lý, điều hành và phát triển công ty. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và tìm hiểu, em đã chọn đề tài : “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am*” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận được trình bày trong 3 chương:

**Chương I:** Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương II:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am.

**Chương III:** Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về Công ty còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự trao đổi, góp ý của các thầy cô giáo để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## CHƯƠNG I

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

##### 1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với những đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như: Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

##### 1.1.2. Các khái niệm cơ bản

###### 1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

*Doanh thu*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa,

cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Theo chuẩn mực kế toán số 14:

➤ *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

➤ *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ *Doanh thu tài chính*: Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”:

- Tiền lãi là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, các khoản tương đương tiền hoặc các khoản còn nợ doanh nghiệp như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán...

- Tiền bản quyền là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính* của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ *Thu nhập khác*: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu như*: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính).

- *Chiết khấu thương mại*: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt*: Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DT bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

### 1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực kế toán số 01 – “Chuẩn mực chung” (Ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC): Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.



Các loại chi phí:

➤ *Giá vốn hàng bán*: Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn là bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

➤ *Chi phí bán hàng*: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng  
- Chi phí vật liệu, bao bì  
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: Là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa.

➤ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

- Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên: chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

➤ *Chi phí tài chính*: Bao gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, tỷ giá hối đoái...

➤ *Chi phí khác*: Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy thu thuế

- Các khoản chi phí khác

➤ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

- Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp được xác định bằng doanh thu - chi phí.

### **1.1.2.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

- Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

### **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu**

##### **1.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Hóa đơn thông thường
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02 GTTT - 3LL).
  - Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
  - Thẻ quầy hàng.
  - Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...).
  - Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ...

### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

#### ❖ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### ✓ Bên Nợ

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “**Xác định kết quả kinh doanh**”

#### ✓ Bên Có

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
  - TK 511 không có số dư cuối kỳ
  - TK 511 có 5 tiểu khoản cấp 2 :
    - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
    - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
    - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
    - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá
    - + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

#### ❖ TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

#### ✓ Bên Nợ

+ Trị giá hàng bán ra bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh** ”.

✓ **Bên Có**

+ Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện kỳ kế toán.

- TK 512 không có số dư cuối kỳ.

- TK 512 có 3 tiểu khoản cấp 2 :

+ TK 5121 : Doanh thu bán hàng hóa

+ TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

+ TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **TK 521 : Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

✓ **Bên Nợ**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ **Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 531 : Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 “ Chi phí bán hàng ”.

✓ **Bên Nợ**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

✓ **Bên Có**

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** ” hoặc TK 521 “ **Doanh thu bán hàng nội bộ** ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

- Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 532 : Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

✓ **Bên Nợ**

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng.

✓ **Bên Có**

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** ” hoặc TK 512 “ **Doanh thu bán hàng nội bộ** ”

- Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

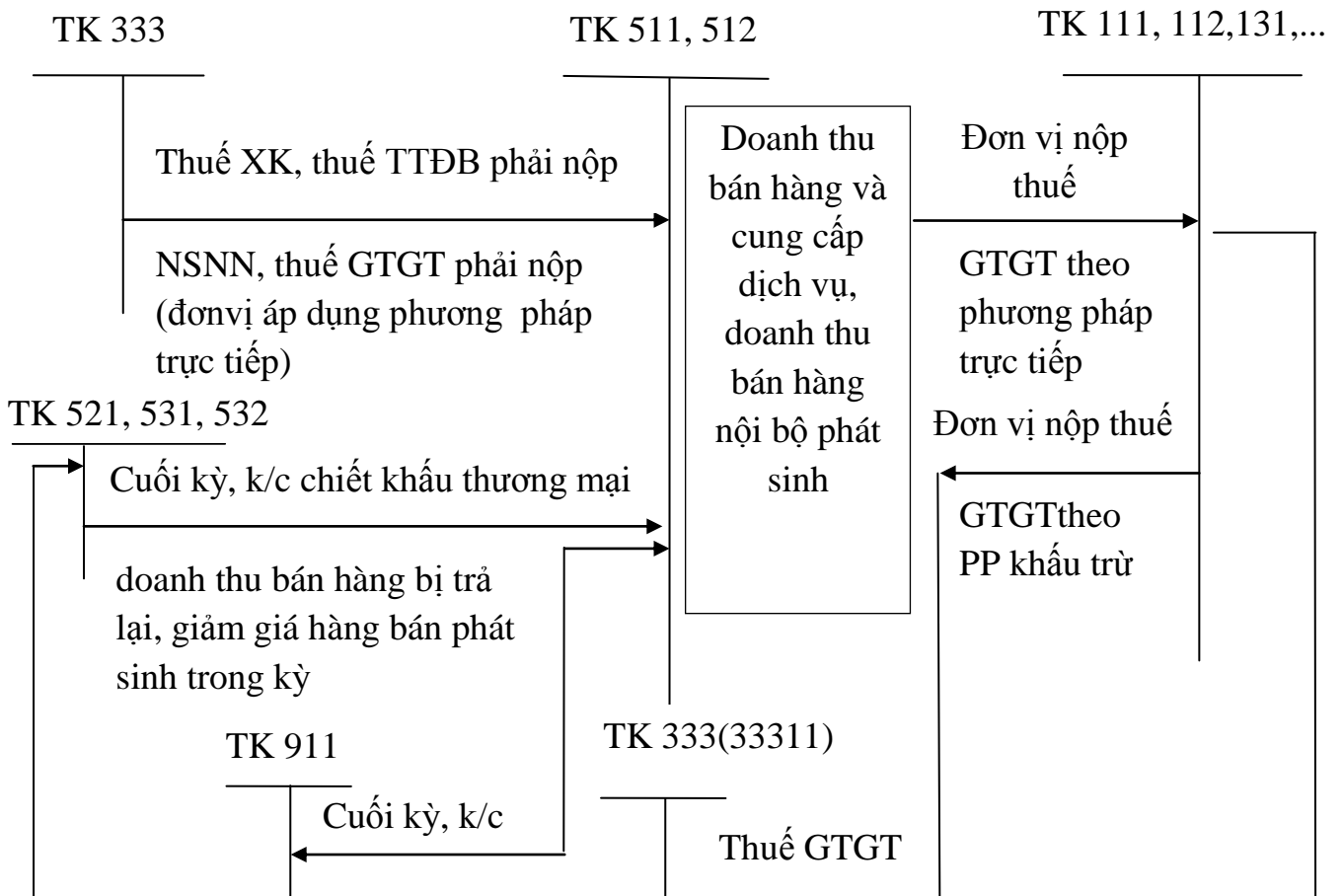
❖ **Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp** chi tiết theo tài khoản 33311 – Thuế GTGT đầu ra.

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131...

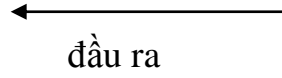
**1.2.1.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**Sơ đồ 1.1:** Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp.

**Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**



doanh thu thuần



Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ

---

### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành hàng hóa thực tế của hàng hóa hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước – xuất trước
- Phương pháp nhập sau – xuất trước

#### 1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường

#### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị thực tế của các thành phẩm hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ. Giá vốn hàng bán bao gồm giá thành thực tế cấu thành lên sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất hoặc dịch vụ) hoặc giá vốn mua thực tế của hàng hoá (bao gồm cả chi phí thu mua - đối với doanh nghiệp thương mại) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Kết cấu của TK 632:

✓ **Bên Nợ:**

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Nguyên tắc trong kế toán phải đánh giá theo đúng giá thực tế của sản phẩm hàng hoá. Tức là phải phản ánh đầy đủ các chi phí thực tế phát sinh mà



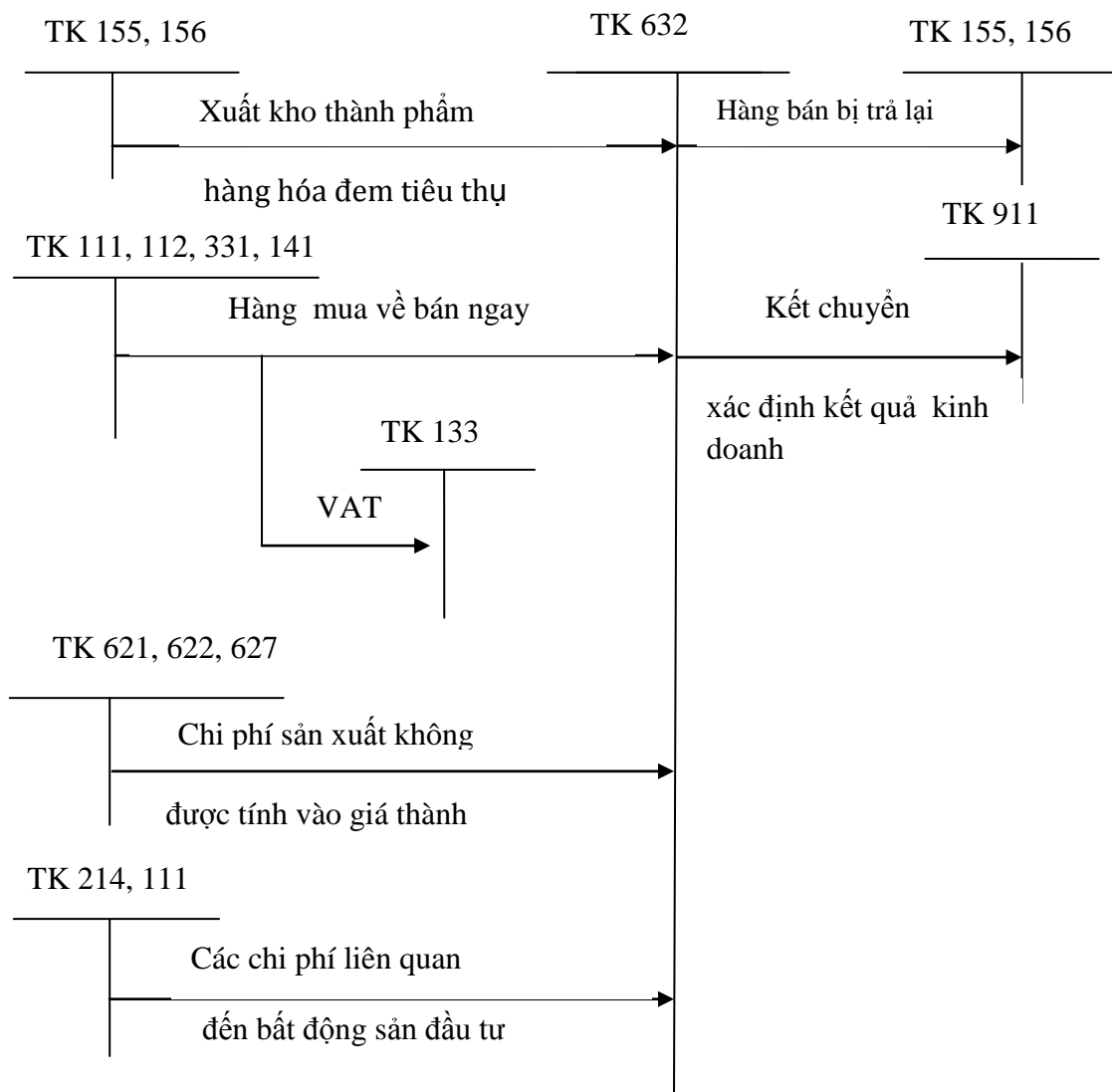
doanh nghiệp phải bỏ ra để có số sản phẩm hàng hoá đó. Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 155, TK 156, TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

**1.2.2.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

❖ Hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.2:

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX**



❖ Hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 631- “Giá thành sản xuất” và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối mỗi kỳ kế toán.

Kết cấu của TK 631:

✓ **Bên Nợ:**

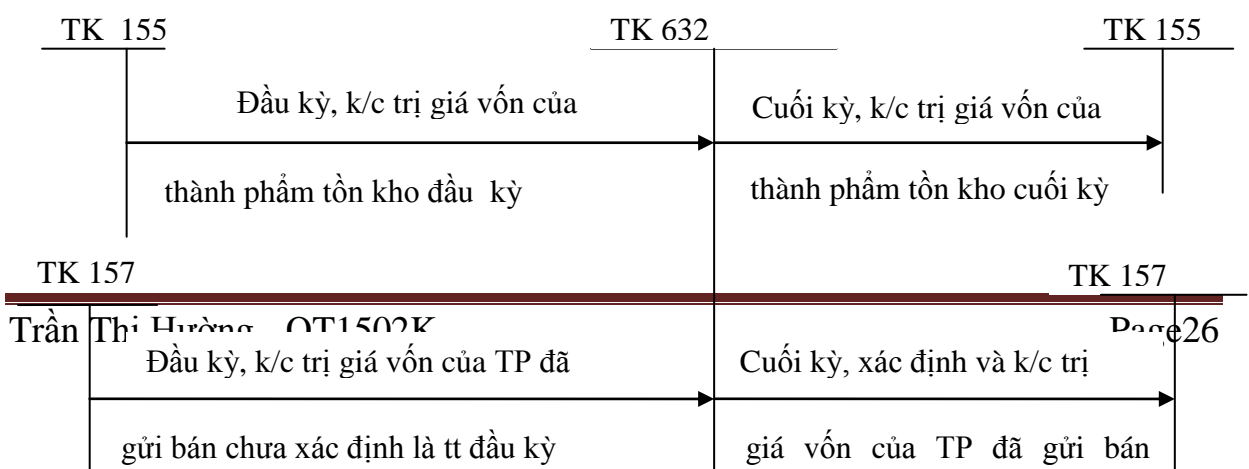
- Chí phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ;

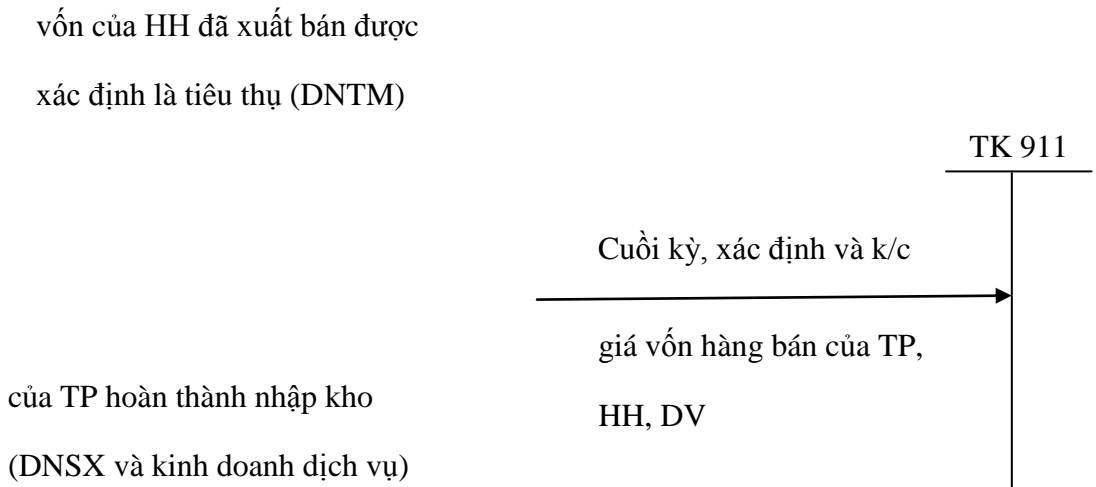
## Khóa luận tốt nghiệp

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.
- ✓ **Bên Có:**
  - Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”;
  - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.
  - Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

Các nghiệp vụ hạch toán GVHB theo phương pháp KKĐK được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK**





### 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ

#### 1.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

❖ Kết cấu TK 641:

✓ **Bên Nợ:**

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

✓ **Bên Có:**

Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

❖ Kết cấu TK 642:

✓ **Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

✓ **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

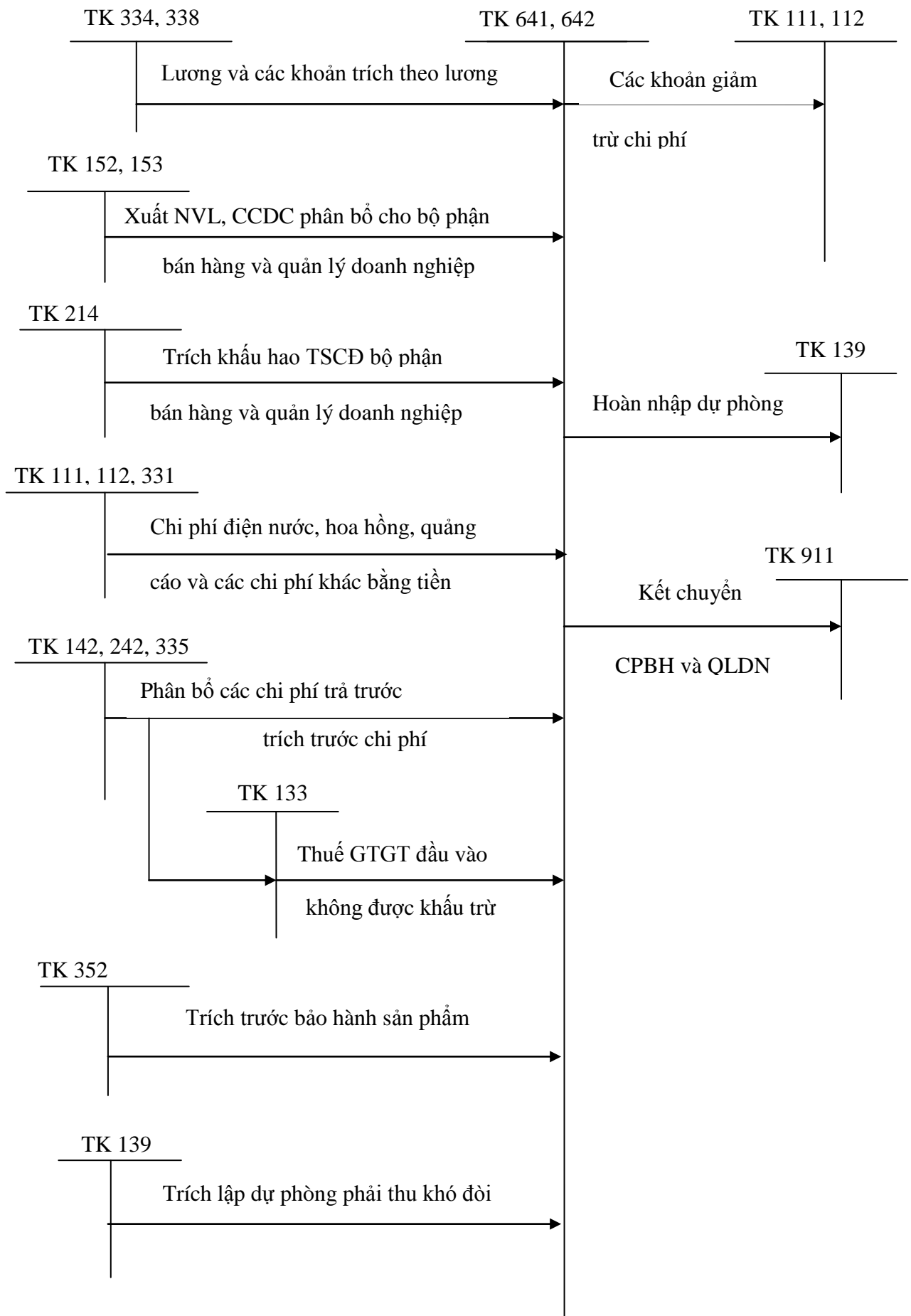
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, theo chi phí, theo tiền lương.

**1.2.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**



**1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

**1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng**

Chứng từ kế toán sử dụng: phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán, giấy báo có...

**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu của TK515:

Bên Nợ	Bên Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh	-Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia -Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết -Chiết khấu thanh toán được hưởng -Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh -Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ -Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh -Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh
Cộng phát sinh Nợ	Cộng phát sinh Có
Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ	

## Khóa luận tốt nghiệp

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính: là các khoản chi phí phát sinh liên quan về vốn và hoạt động đầu tư tài chính.

❖ Kết cấu của TK635:

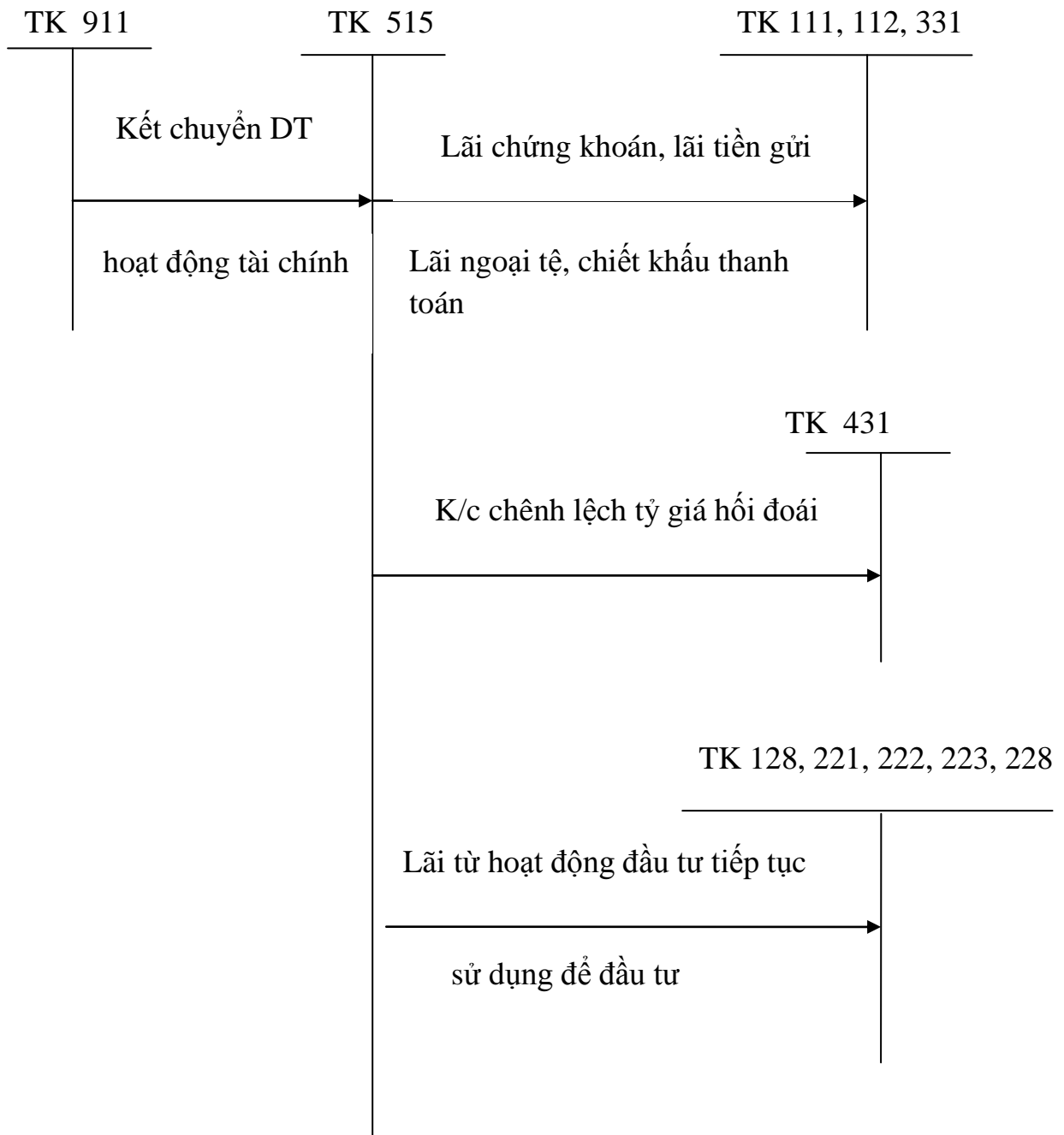
Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"><li>-Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính</li><li>-Lỗ bán ngoại tệ</li><li>-Chiết khấu thanh toán cho người mua</li><li>-Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư</li><li>-Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh</li><li>-Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh</li><li>-Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li><li>-Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li><li>-Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh</li></ul>
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

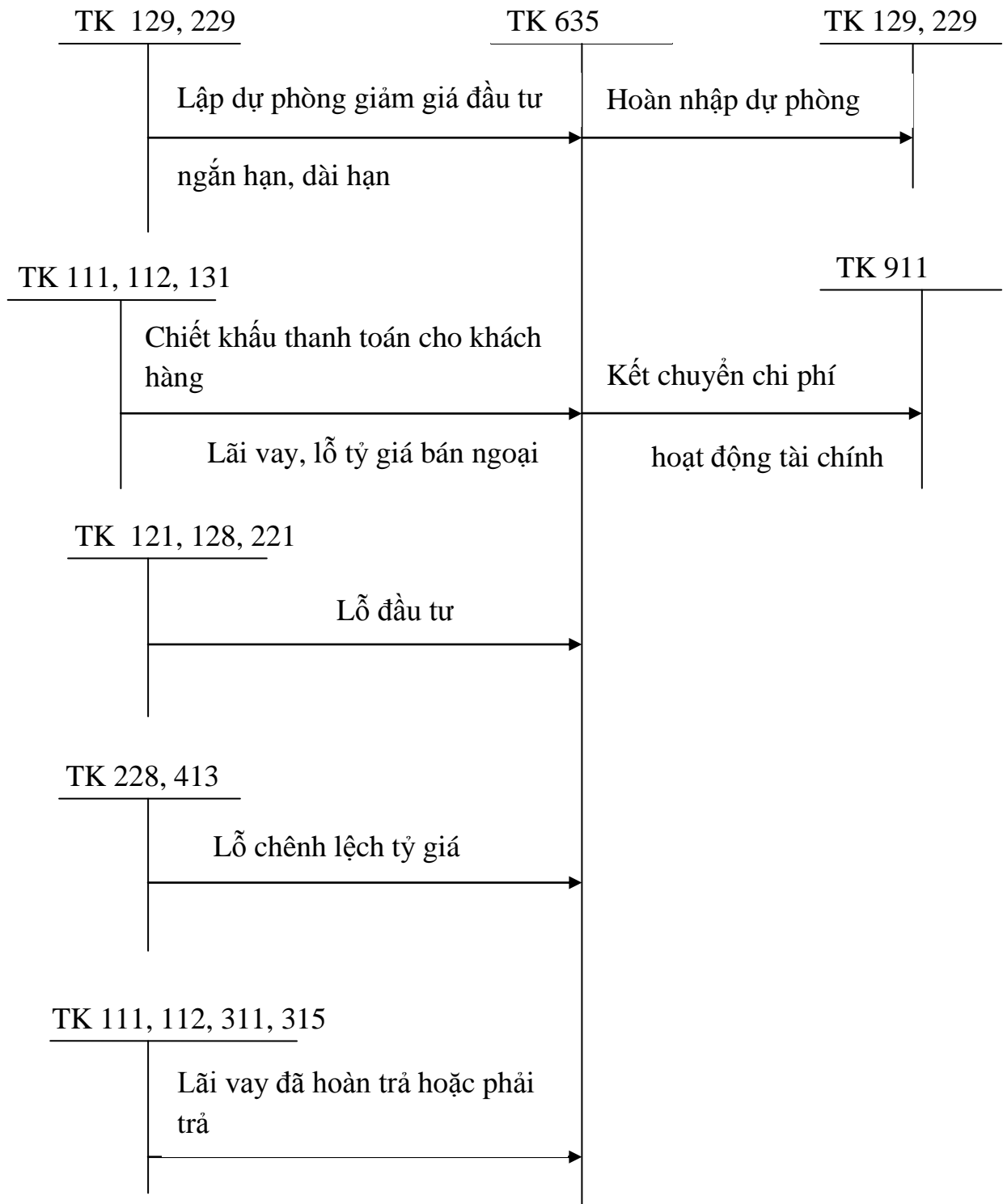
### 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính**



**1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

**1.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng**

Phiếu thu, phiếu kế toán,...

**1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

## Khóa luận tốt nghiệp

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác: dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập không phản ánh các khoản chi phí.

❖ Kết cấu của TK 711:

Bên Nợ	Bên Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp -Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (nếu có), các khoản chi phí khác, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

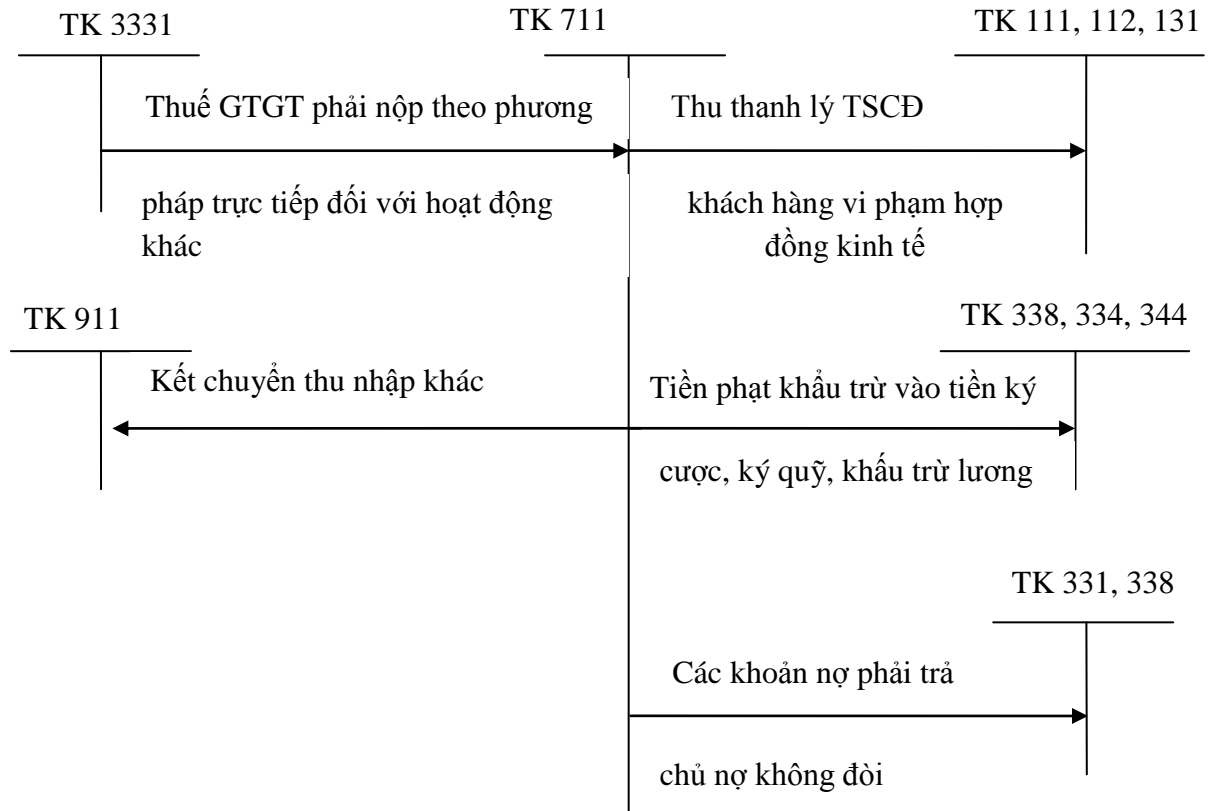
❖ Kết cấu của TK811:

Bên Nợ	Bên Có
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

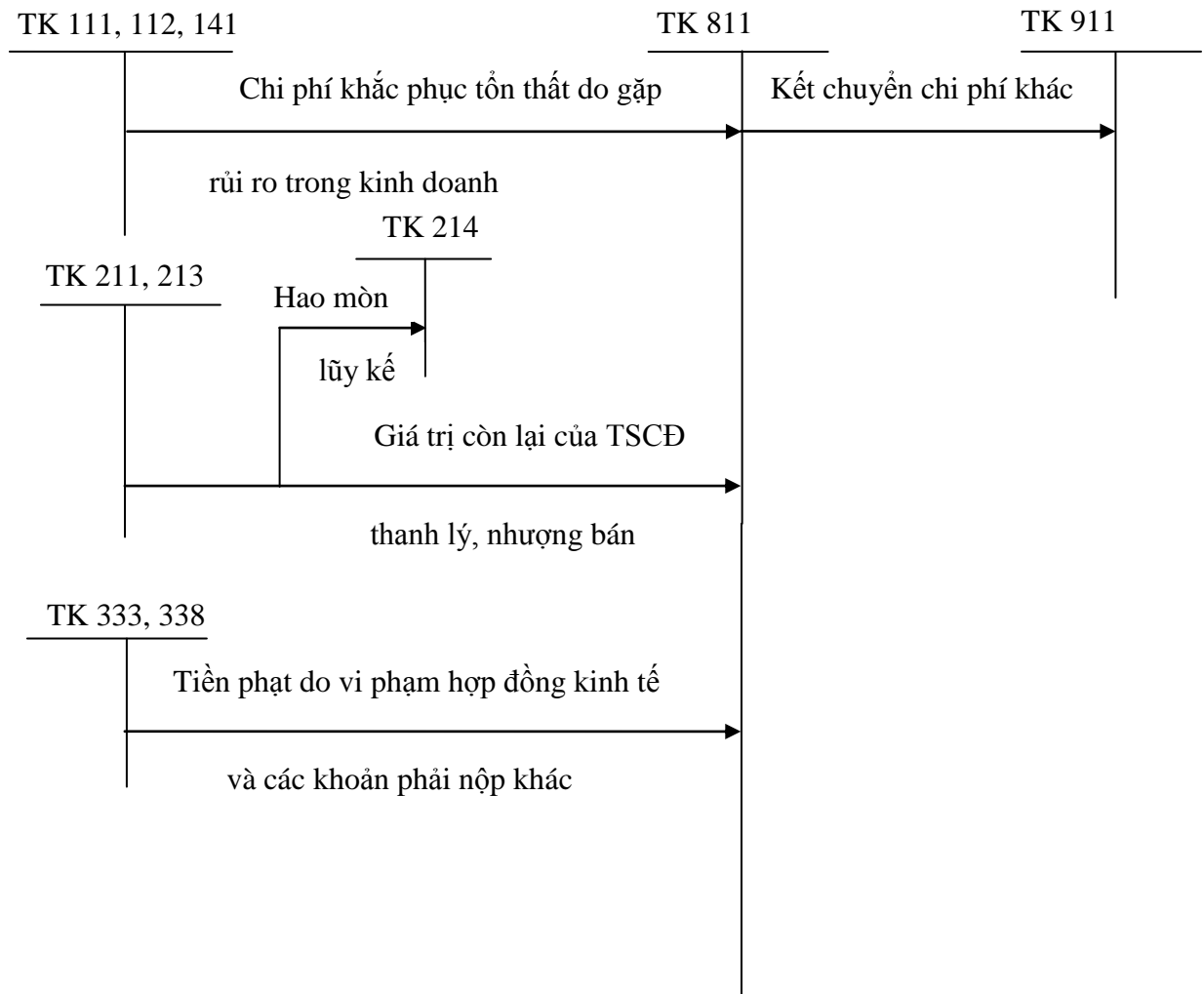
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

### 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



**Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác**



**1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

Phiếu kế toán kết chuyển

**1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh: TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ Kết cấu TK 911:

Bên Nợ	Bên Có
-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ -Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác -Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp -Kết chuyển lãi	-Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ -Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp -Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ	

❖ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu của TK 421:

Bên Nợ	Bên Có
-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp -Trích lập các quỹ của doanh nghiệp -Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà cung cấp, các bên tham gia liên doanh -Bổ sung nguồn vốn kinh doanh -Nộp lợi nhuận lên cấp trên	-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ -Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên cấp trên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù -Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có

Bên Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Bên Có: số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

### 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

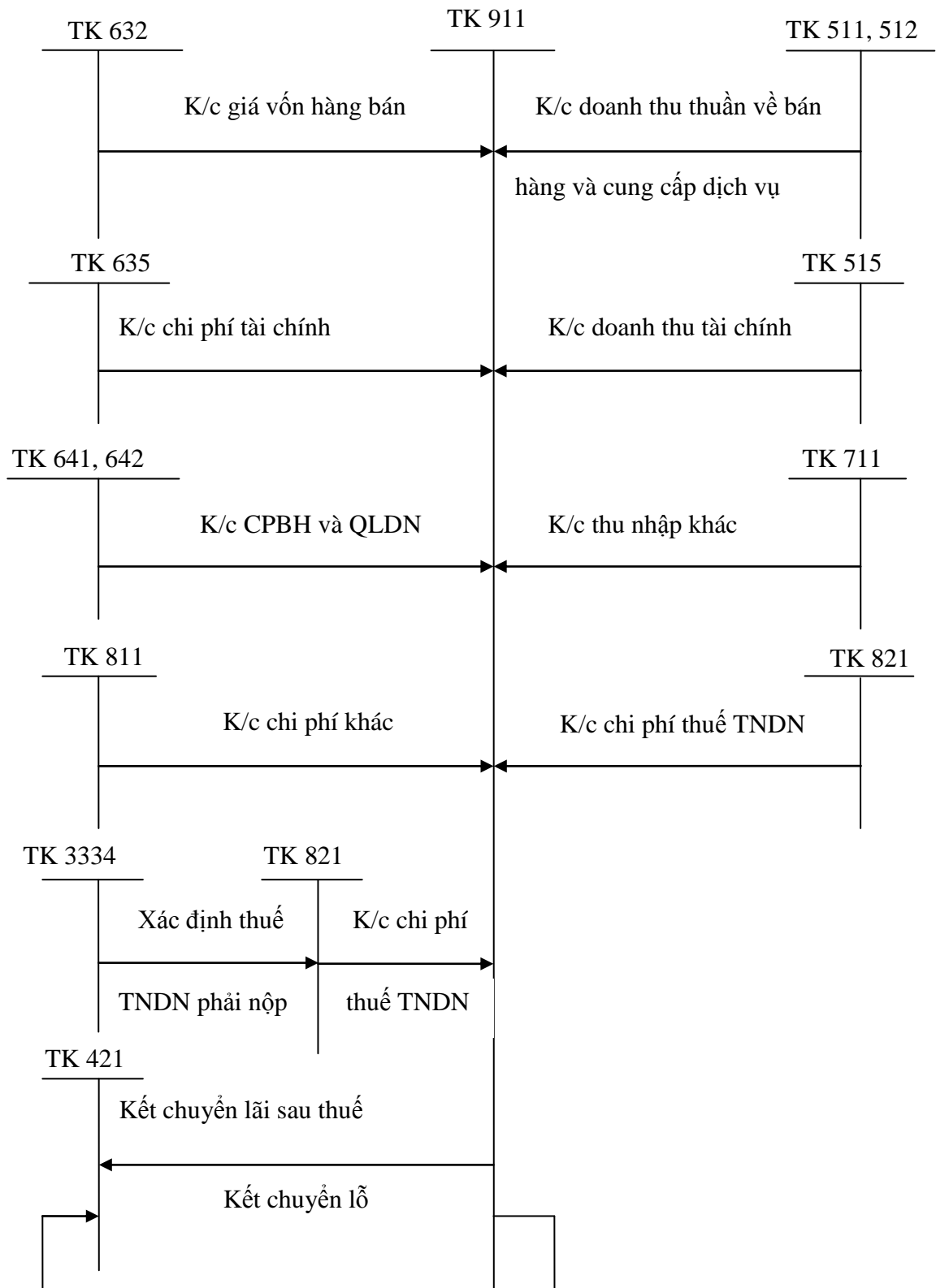
Kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} & & \textit{Kết quả hoạt} & & \textit{Kết quả hoạt} & & \textit{Kết quả} \\ \textit{Kết quả} & & & & & & \\ \textit{kinh doanh} & = & \textit{động sản xuất} & + & \textit{động tài chính} & + & \textit{hoạt động} \\ & & \textit{kinh doanh} & & & & \textit{khác} \end{array}$$

Trong đó:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- *Kết quả hoạt động tài chính* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh





### 1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

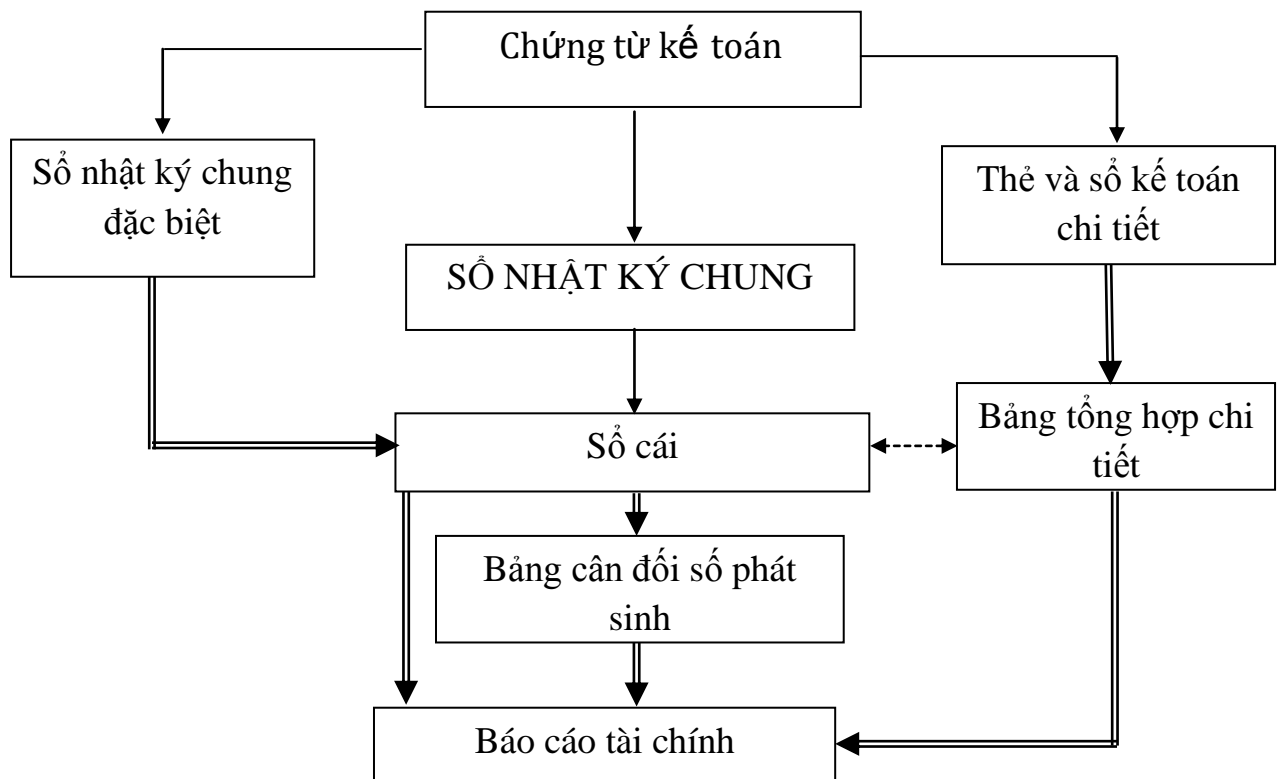
#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung được phản ánh qua sơ đồ 1.10:

Sơ đồ 1.10 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- <-----> Đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi định kỳ vào cuối tháng

#### 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

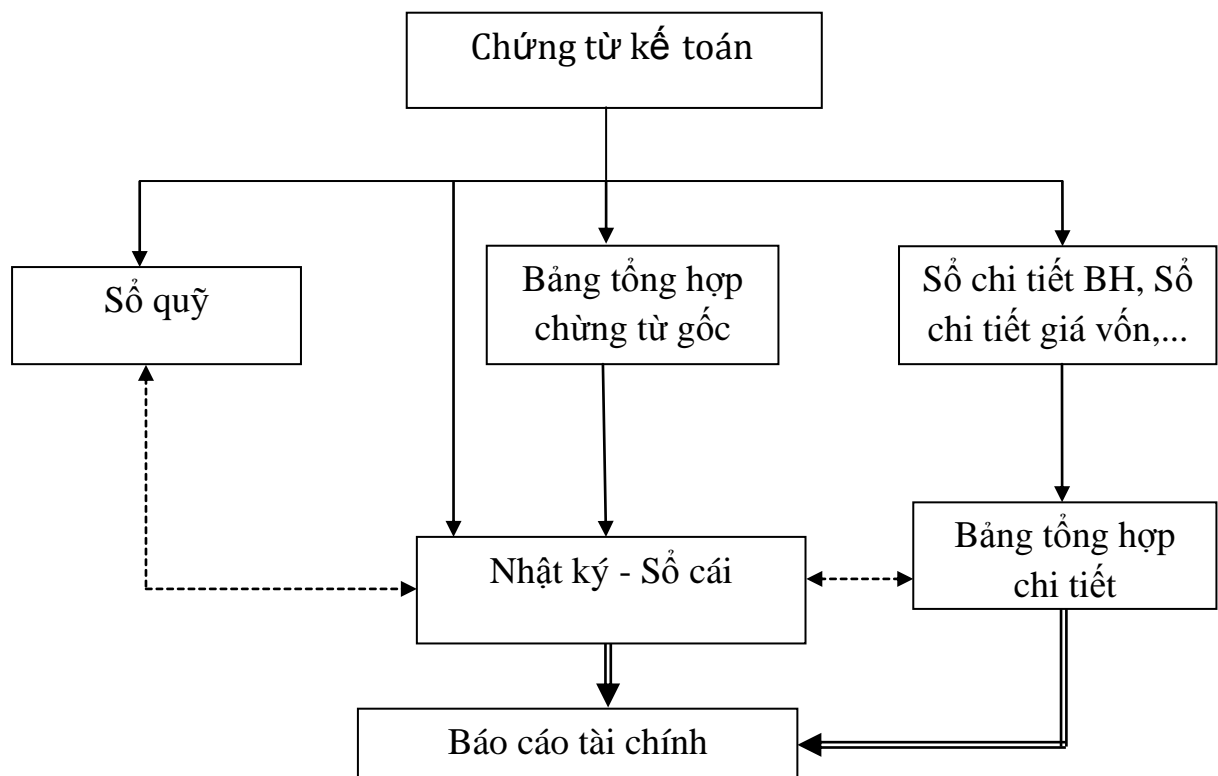
Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán)

trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Sổ Nhật ký - Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ Cái được phản ánh qua sơ đồ 1.11:

**Sơ đồ 1.11 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi định kỳ vào cuối tháng

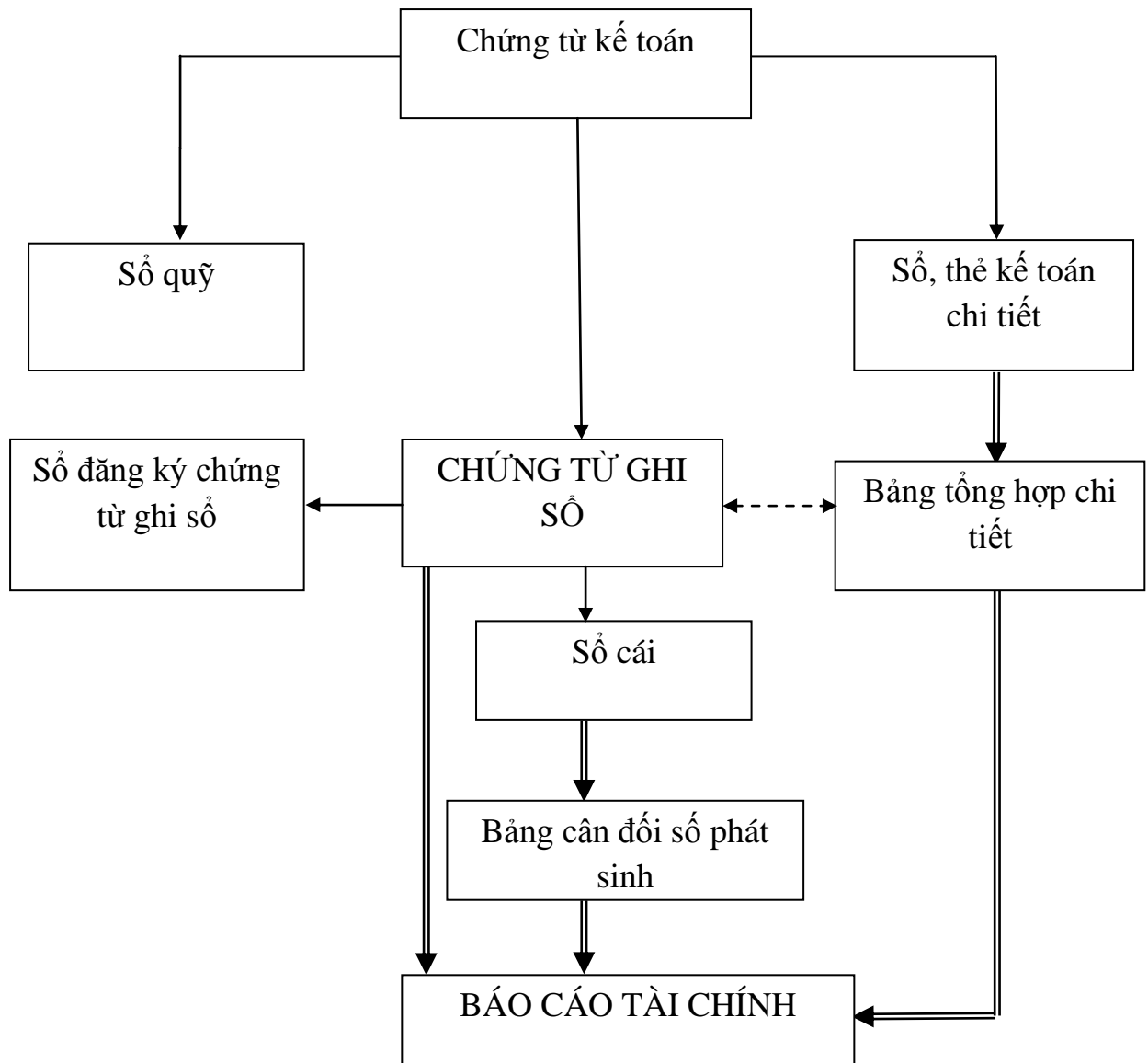
### 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được phản ánh qua sơ đồ 1.12:

Sơ đồ 1.12 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi định kỳ vào cuối tháng

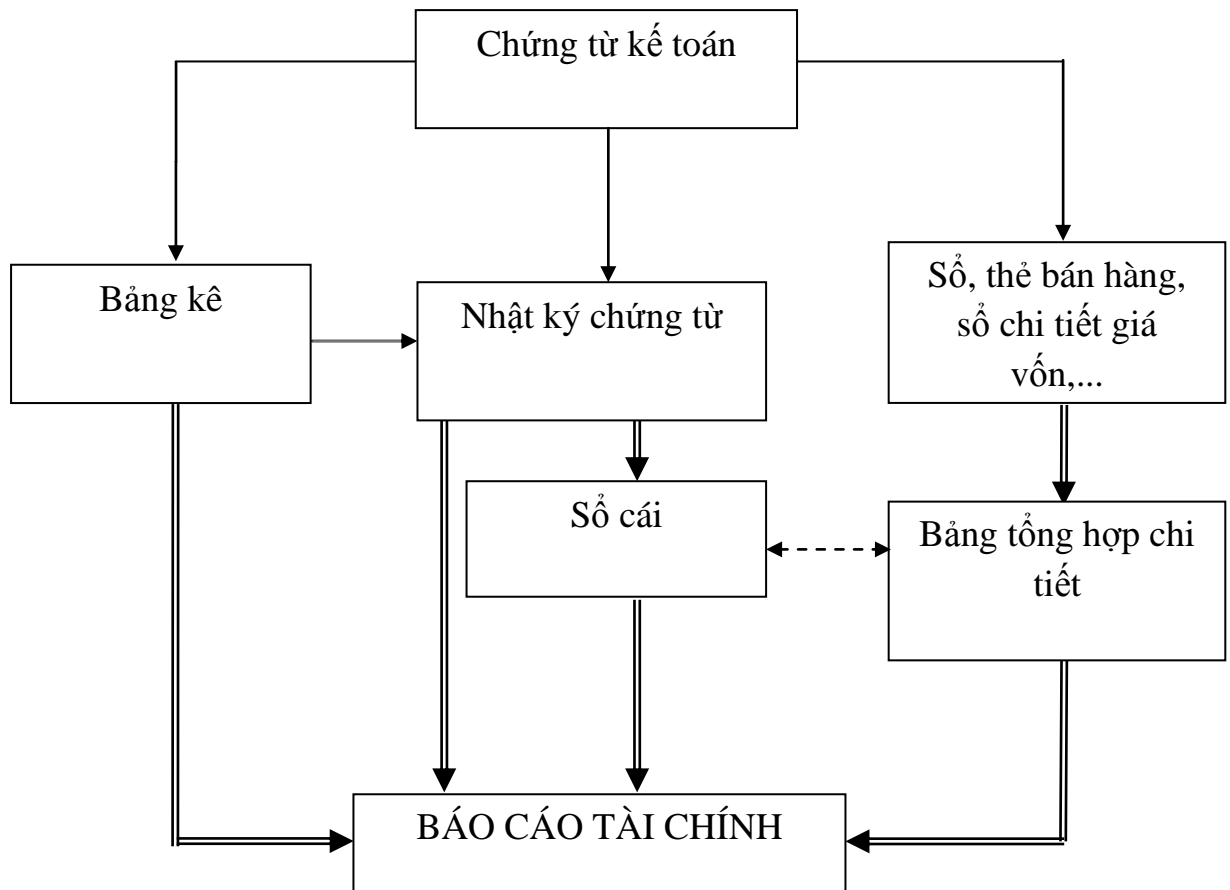
#### 1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ được phản ánh qua sơ đồ 1.13:

**Sơ đồ 1.13 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**



### Ghi chú:

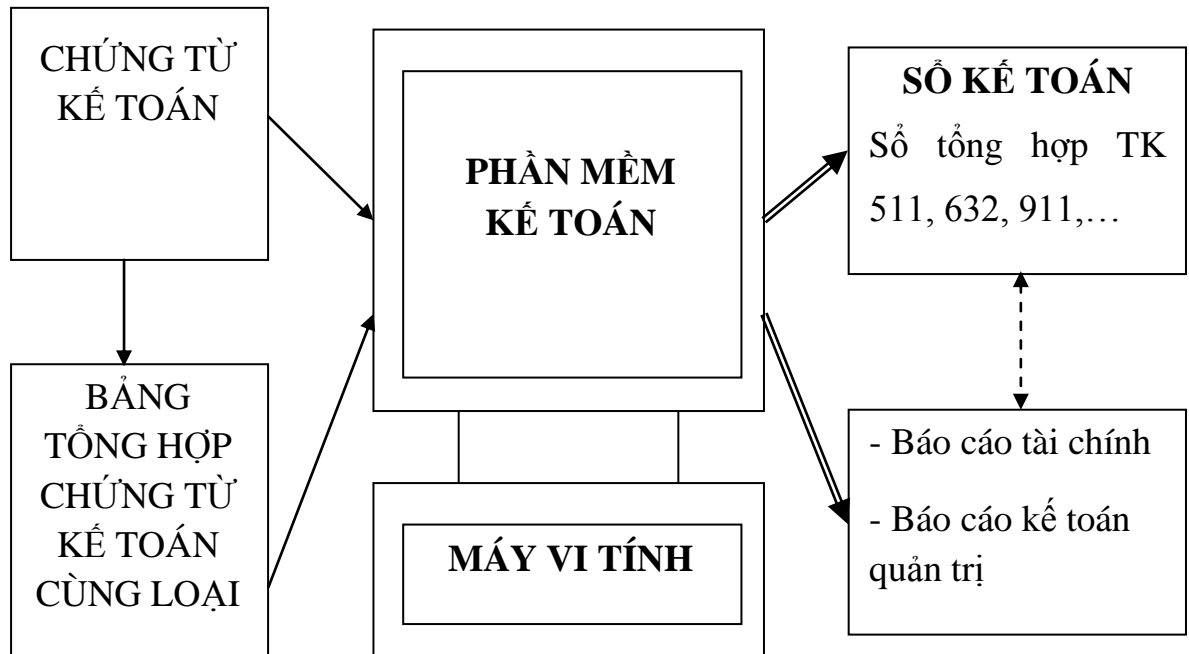
- > Ghi hàng ngày
- ←----> Đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi định kỳ vào cuối tháng

### **1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản: Là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính được phản ánh qua sơ đồ 1.14:

Sơ đồ 1.14 : Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ← - - - - → Đối chiếu, kiểm tra
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐIỆN MÁY NGỌC AM

#### 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH điện máy Ngọc Am được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 0201150132 ngày 10 tháng 3 năm 2011.

Tên công ty	: Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy Ngọc Am
Tên giao dịch	: Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy Ngọc Am
Trụ sở công ty	: Khu đường 10, Xã Tân Dương, Thủy Nguyên, HP
Điện thoại	: 0313959368
Fax	: 0313959368
Mã số thuế	: 0201150132
Email	: ngocamcomputer@gmail.com

##### 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

###### ❖ *Ngành nghề kinh doanh:*

- + Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in, vật tư ngành in)
- + Thiết kế hệ thống máy tính
- + Các dịch vụ hệ thống CAD/CAM, Tích hợp mạng cục bộ (LAN)
- + Các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin
- + Tư vấn về máy tính và các dịch vụ khác liên quan về máy tính

###### ❖ *Mục tiêu:*

Với sự đoàn kết, đồng tâm nhất trí của tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên, công ty TNHH điện máy Ngọc Am phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp mạnh trên địa bàn huyện Thủy Nguyên trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công ty đã cung ứng, lắp đặt hệ thống phòng máy tính - máy in - thiết bị văn phòng - hệ thống mạng LAN cho nhiều cơ quan hành chính sự nghiệp, cũng như các công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn trong và ngoài huyện. Thiết bị do công ty cung cấp luôn được khách hàng tin tưởng và lựa chọn.

Công ty đã không ngừng tìm tòi nhu cầu cũng như thị hiếu của người tiêu dùng, nhằm cung cấp các sản phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng và luôn bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng bằng những nghiệp vụ căn bản của một công ty có uy tín và mang tính chuyên nghiệp.

Sự phát triển của công ty luôn gắn liền với lợi ích cộng đồng và vì một môi trường an toàn, bền vững công ty luôn chú trọng đào tạo và nâng cao kiến thức, cập nhật thông tin, công nghệ mới nhất cho các thành viên của mình.

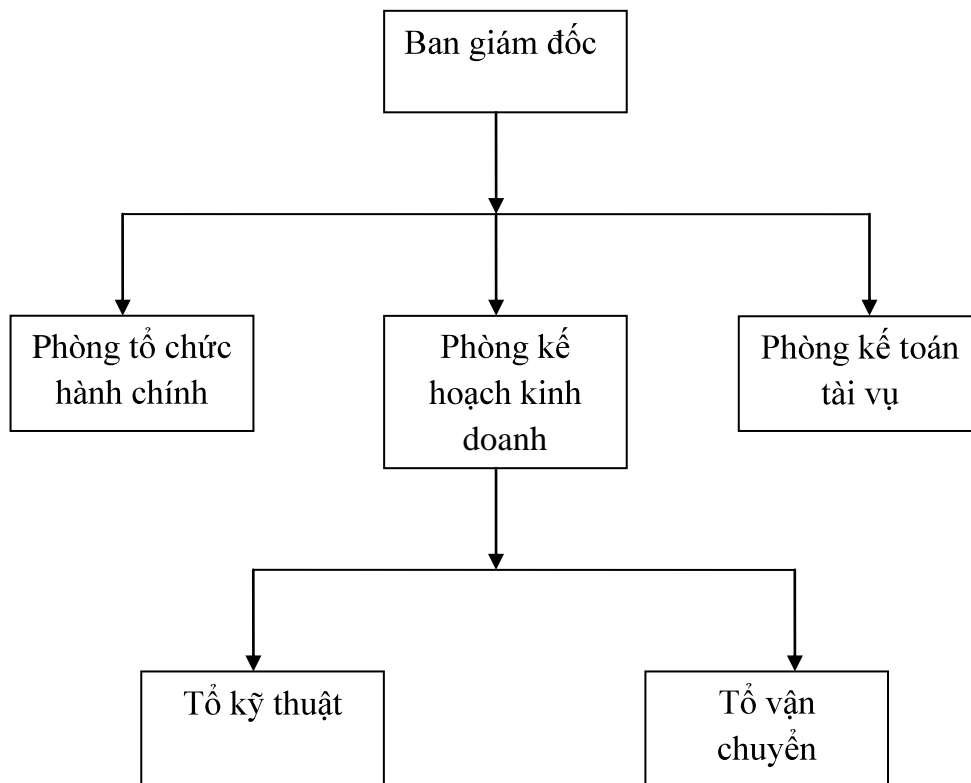
Đội ngũ nhân viên càng ngày càng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững chắc. Các cán bộ công nhân viên của công ty luôn có ý thức tự trau dồi học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Luôn coi trọng việc xây dựng và phát triển các giải pháp về phát triển công nghệ thông tin.

### 2.1.3. Tình hình tổ chức của Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Là một Công ty TNHH hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh máy tính - máy in -thiết bị văn phòng... với đội ngũ lao động cũng như việc tổ chức quản lý ở Công ty phải phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.1: SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY**



+ **Ban giám đốc**: Là người ra quyết định tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, chỉ đạo việc có tính quyết định đến công việc thực hiện kế hoạch của Công ty.

+ **Phòng tổ chức hành chính**: Là nơi giúp Ban giám đốc điều hành việc tổ chức nhân sự, tìm kiếm những lao động có tay nghề và hợp với ngành nghề kinh doanh của đơn vị, bên cạnh đó phòng tổ chức hành chính còn phải tổ chức các hoạt động xã hội cho công nhân viên ở Công ty.

+ **Phòng kế hoạch kinh doanh**: Có nhiệm vụ nghiên cứu nắm bắt thị trường, xác định nhu cầu, cơ cấu mặt hàng, xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn và dài hạn.

+ **Phòng kế toán tài vụ:** Phụ trách về vấn đề tài chính kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm trước phòng giám đốc về các hoạt động tài chính kế toán, báo cáo hàng tháng, hàng quý lên Ban giám đốc để Ban giám đốc nắm bắt được tình hình tài chính, công tác kế toán cũng như tình hình hoạt động của Công ty và từng phòng ban, phòng tài vụ còn có nhiệm vụ làm các bảng lương, thanh toán lương và các phụ cấp cho công nhân viên trong Công ty.

+ **Tổ kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm lắp ráp, cài đặt hệ thống máy vi tính - máy in - thiết bị văn phòng, hệ thống mạng LAN.

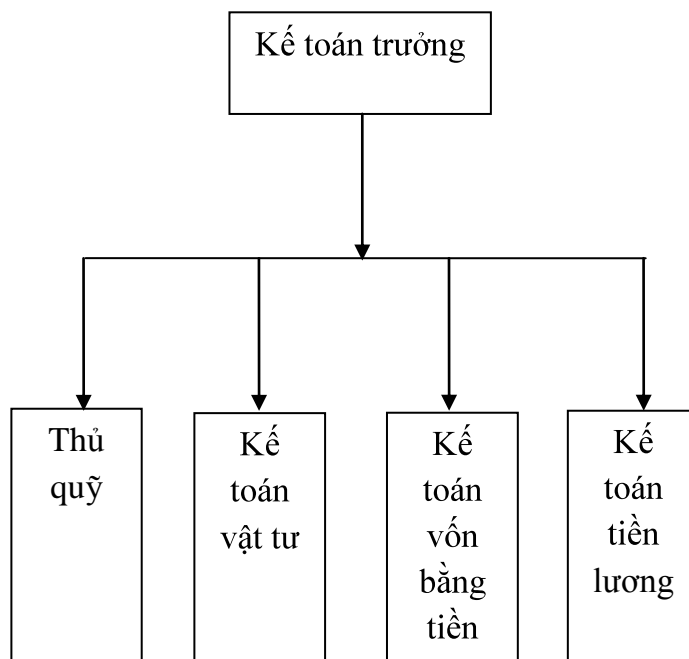
+ **Tổ vận chuyên:** Có trách nhiệm nhận đúng và giao đủ tận nơi cho khách hàng.

Ngoài những nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận thì các phòng ban, bộ phận đều có nhiệm vụ xây dựng phương án kinh doanh tham mưu cho chuyên môn thực hiện chức năng giám sát và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Để phù hợp với sự quản lý của Công ty, việc hạch toán kế toán theo hình thức hạch toán nào cũng đã được Ban giám đốc cân nhắc ngay từ những ngày đầu thành lập. Công ty đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán theo phương thức tập trung để thuận tiện cho việc kiểm tra và tổng hợp số liệu. Cụ thể như sau:

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



+ **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** đứng đầu bộ máy kế toán của Công ty, giúp Giám đốc thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính.



Đồng thời kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và cơ quan tài chính.

Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán ở chi nhánh, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc thực hiện ghi chép, tính toán một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng chế độ, chính sách các khoản thuế phải nộp, các khoản quỹ được trích từ lợi nhuận, lập và gửi đầy đủ kịp thời các Báo cáo tài chính theo đúng chế độ quy định. Một nhiệm vụ quan trọng của kế toán trưởng là ký sổ kế toán, ký Báo cáo kế toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên tài liệu kế toán. Đồng thời tập trung các phần hành kế toán riêng của từng kế toán chi tiết để lên sổ tổng hợp sau đó đối chiếu và tập hợp Báo cáo tổng hợp lên Báo cáo quyết toán.

+ **Thủ quỹ:** trực tiếp quản lý tiền mặt, thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc thu chi tiền mặt và việc bảo quản tiền mặt tại quỹ căn cứ vào các chứng từ hợp lệ, hợp pháp... Cuối mỗi ngày thủ quỹ tiến hành kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế và đối chiếu số liệu của sổ quỹ tiền mặt và sổ quỹ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tiến hành kiểm tra lại để xác định rõ nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

+ **Kế toán tiền lương:** Tính lương phải trả cho cán bộ công nhân viên, tổng hợp số liệu lập bảng phân bổ tiền lương và các bảng trích theo lương cho đối tượng liên quan. Định kỳ tiến hành phân tích tình hình lao động, tình hình quản lý và chi tiêu quỹ lương cung cấp thông tin cần thiết cho các bộ phận liên quan.

+ **Kế toán vật tư:** Hạch toán chính xác, kịp thời tình hình biến động sử dụng NVL, tính giá nhập, xuất kho, cung cấp các thông tin NVL và công cụ dụng cụ theo yêu cầu quản lý. Theo dõi tình hình thực hiện định mức vật tư.

+ **Kế toán vốn bằng tiền:** Phản ánh kịp thời đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động vốn bằng tiền của Công ty.

### 2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

#### 2.1.5.1. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

##### *Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức nhật ký chung*

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- ✓ Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

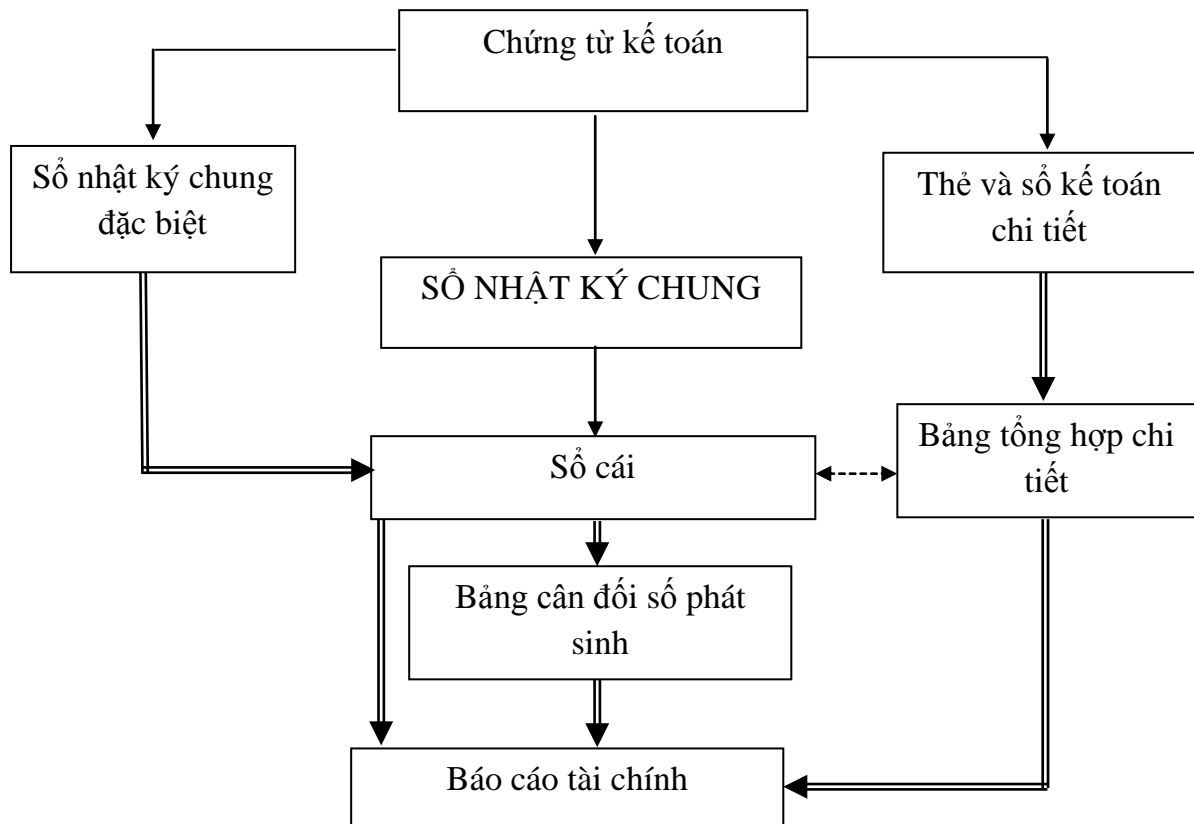
Sổ Cái;

- ✓ Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký Đặc biệt;

- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung

Sơ đồ 2.3: Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Đối chiếu, kiểm tra.
- =====> Ghi định kỳ vào cuối tháng.

**2.1.5.2. Chứng từ kế toán Công ty áp dụng**

Để quản lý việc mua bán diễn ra trong quá trình kinh doanh thì Công ty đã sử dụng những loại chứng từ như sau:

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu nhập - xuất - kho
- Biên bản kiểm kê vật tư hàng hoá
- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có
- Thẻ kho
- Các loại sổ theo dõi công nợ
- Hoá đơn bàn hàng
- Phiếu thu, phiếu chi

*Ngoài ra còn một số loại chứng từ khác :*

- Bảng thanh toán tiền lương.
- Giấy đề nghị tạm ứng .
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng .

### **2.1.5.3. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện đầy đủ các thông tư nghị định mới quy định về hoạt động thu, chi, thanh toán và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo Quyết định 48/ 2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Công ty đánh giá hàng tồn kho theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch kỳ hạch toán báo cáo kết toán: Công ty lập báo cáo kế toán theo năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là Việt Nam đồng

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **❖ Phương thức bán hàng**

Hiện nay, công ty TNHH điện máy Ngọc Am đang thực hiện hai phương thức bán hàng là phương thức bán buôn và bán lẻ

Phương thức bán buôn áp dụng với tất cả các khách hàng mua với số lượng lớn, đây là phương thức bán hàng mang lại doanh thu chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp.

Phương thức bán lẻ áp dụng đối với những khách hàng mua với số lượng nhỏ và tỷ trọng doanh thu nhỏ hơn phương thức bán buôn.

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

Công ty là một doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, do đó chứng từ gốc được công ty chủ yếu sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng là hóa đơn giá trị gia tăng. Hóa đơn giá trị gia tăng được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: màu tím được lưu lại quyền hóa đơn
- + Liên 2: màu đỏ giao cho khách hàng
- + Liên 3: màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán

Ngoài ra chứng từ kế toán bán hàng còn có phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...

### ❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 156: Hàng hóa
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK liên quan khác.

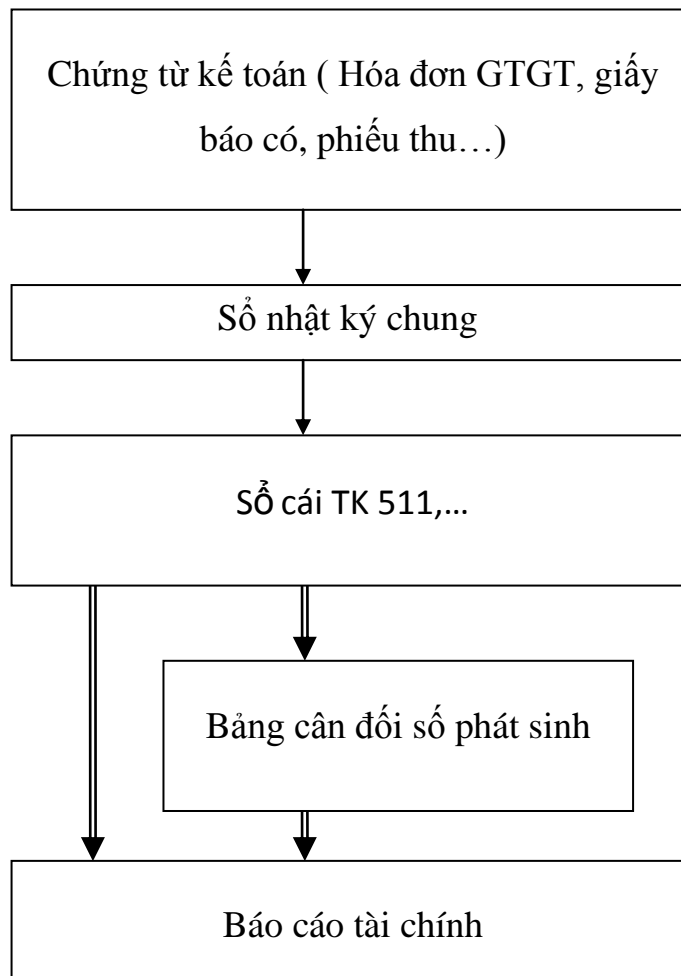
### ❖ Quy trình hạch toán

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa. Phiếu xuất kho sau khi viết xong chuyển cho thủ kho để xuất hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho, thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó, kế toán lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa.

Khi bán hàng thì hình thức thanh toán do hai bên thỏa thuận, nếu thanh toán ngay thì kế toán lập phiếu thu, nếu thanh toán bằng chuyển khoản thì lập ủy nhiệm thu, ngoài ra những khách hàng quen thuộc của công ty có thể chấp nhận bán chịu.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho để làm căn cứ ghi sổ kế toán, các chứng từ kế toán.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi vào cuối kỳ ==>

Quy trình luân chuyển chứng từ được diễn ra như sau: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ như hóa đơn mua hàng, hóa đơn bán hàng để ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK511,...

Cuối kỳ, từ các số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập báo cáo tài chính.

**❖ Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 1:** Ngày 15/12/2014, Công ty bán 10 màn hình máy tính LED 18.5 inch cho Công ty TNHH Thành Lương đã thanh toán bằng chuyển khoản, số tiền 120.000.000 chưa thuế GTGT 10%, giá vốn là 95.000.000 đồng.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.1) và giấy báo có (biểu số 2.2) để ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3). Từ những số liệu ghi ở sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.4) và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

## Khóa luận tốt nghiệp

### **Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2014			<b>Mẫu số: 01 GTKT/001</b> AA/14B 0008465		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am Địa chỉ: khu Đường 10, xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng Mã số thuế: 0201150132 Điện thoại: 031.3959368 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thành Lương Địa chỉ: đội 4B, xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng Mã số thuế: 0201120748 Điện thoại: 031.3874870 Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TGNH					
STT	Tên hàng hoá	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	Màn hình máy tính LED 18.5	Cái	10	12.000.000	120.000.000
		Cộng tiền hàng:			120.000.000
	Thuế suất thuế GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:			12.000.000
		<b>Tổng cộng thanh toán</b>			<b>132.000.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

**Biểu số 2.2. Giấy báo có**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU  
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: PTAH  
Mã KH: 15690

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 15/12/2014

Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM

Hôm nay cúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có : 3469298

Số tiền bằng số : 132.000.000

Số tiền bằng chữ : Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn

Nội dung: ## CÔNG TY TNHH THÀNH LƯƠNG TRẢ TIỀN MUA MÀN  
HÌNH MÁY TÍNH ##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**



# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.3. Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03A - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
01/12	HĐGTGT 0008451	01/12	Rút tiền tại Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	x	x	111 112	200.000.000	200.000.000
15/12	PX 55	15/12	Giá vốn hàng bán	x	x	632 156	95.000.000	95.000.000
15/12	HĐGTGT 0008465	15/12	Bán hàng thu bằng TGNH	x	x	112 511 3331	132.000.000	120.000.000 12.000.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>101.281.350.618</b>	<b>101.281.350.618</b>

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## Biểu số 2.4. Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tài khoản : Doanh thu hàng bán

Số tài khoản : 511

Năm 2014

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
07/12	HĐ 0008457	07/12	Bán laptop cho Vũ Hồng Hạnh	111		13.900.000
08/12	HĐ 0008458	08/12	Bán máy tính cho Công ty Vân Quý	112		86.350.000
15/12	HĐ 0008465	15/12	Bán màn hình máy tính cho Công ty TNHH Thành Lương	112		120.000.000
17/12	HĐ 0008467	17/12	Bán hàng cho Công ty Phú Hưng	131		125.000.000
			.....			
31/12	PKT 73	31/12	Kết chuyển	911	9.266.006.000	
			- Cộng số phát sinh		<b>9.266.006.000</b>	<b>9.266.006.000</b>
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty

Trong năm 2014, tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am không có các khoản giảm trừ doanh thu, do công ty không có chính sách chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng.

### 2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Tính giá hàng hóa về thực chất là việc xác định giá trị ghi sổ của hàng hóa. Theo quy định hàng hóa được tính theo giá trị thực tế (giá gốc) tức là hàng hóa khi nhập kho hay xuất kho đều được phản ánh trên sổ sách theo giá thị trường.

Kế toán về giá vốn hàng hoá, phải được theo dõi chính xác, kịp thời, phản ánh đúng giá trị hàng xuất bán (vì có như vậy mới là cơ sở xác định giá hàng bán cho khách hàng).

Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ được phản ánh trên TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Để ghi chép được giá vốn của hàng bán thì kế toán phải ghi chép đầy đủ lượng hàng xuất bán và tính toán đúng trị giá vốn của hàng xuất.

- Công ty tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn sau mỗi lần nhập:

*Giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập*

*Lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập*

*Trị giá hàng xuất kho = Đơn giá bình quân × Số lượng hàng xuất kho*

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Và các chứng từ khác có liên quan

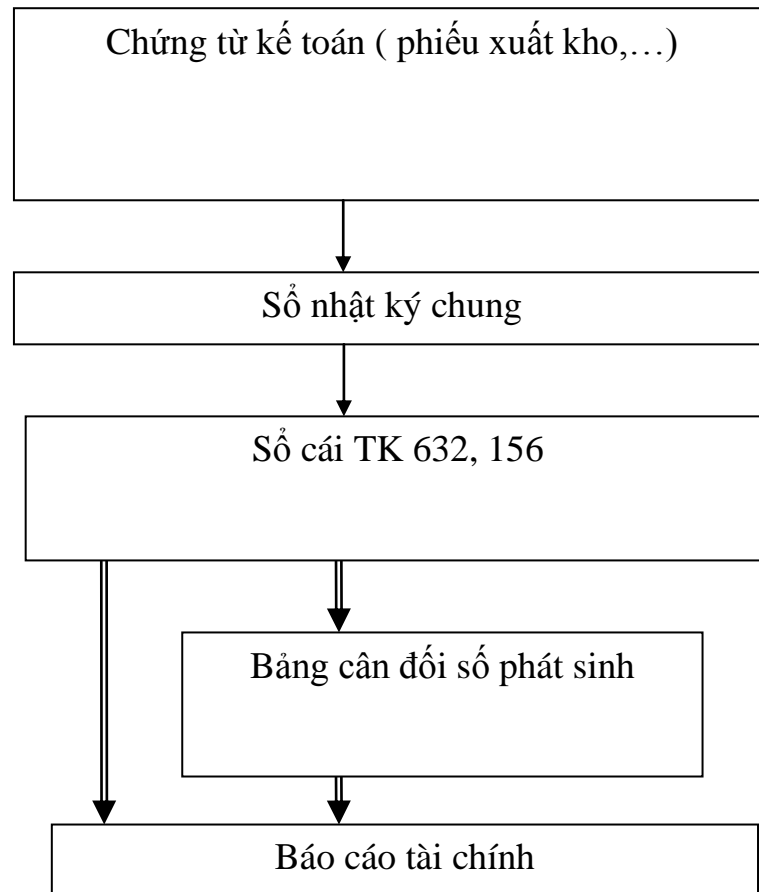
#### ❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 111, TK 112...

#### ❖ Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632, 156,... Sau đó, căn cứ vào sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập các Báo cáo tài chính.

### Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am



### **Ghi chú:**

- + Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
- + Ghi vào cuối kỳ  $\Longrightarrow$

### **❖ Ví dụ minh họa**

**Lấy lại ví dụ 1:** Ngày 15/12/2014, Công ty bán 10 màn hình máy tính LED 18.5 inch cho Công ty TNHH Thành Lương đã thanh toán bằng chuyển khoản, giá vốn là 95.000.000 đồng.

Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho (biểu số 2.5) để ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6). Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 632 (biểu số 2.7) và TK 156 (biểu số 2.8), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sản phẩm để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.5. Phiếu xuất kho**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am  
**Địa chỉ:** Khu đường 10 – Tân Dương – TN - HP

**Mẫu số:** 02 - VT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 12 năm 2014  
Số 55

Nợ TK 632  
Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Gia Minh  
Địa chỉ: Công ty TNHH Thành Lương  
Lý do xuất: Xuất bán  
Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Màn hình máy tính LED 18.5		Cái	03	10	9.500.000	95.000.000
	<b>Cộng</b>			<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>95.000.000</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh năm triệu đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 12 năm 2014

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## Biểu số 2.6. Sổ nhật ký chung

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** S03A - DNN

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
01/12	HĐGTGT 0008451	01/12	Rút tiền tại Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	x	x	111 112	200.000.000	200.000.000
15/12	PX55	15/12	Giá vốn hàng bán	x	x	632 156	95.000.000	95.000.000
15/12	HĐGTGT 0008465	15/12	Bán hàng thu bằng TGNH	x	x	112 511 3331	132.000.000	120.000.000 12.000.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>101.281.350.618</b>	<b>101.281.350.618</b>

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## Biểu số 2.7. Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số tài khoản : 632

Năm 2014

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
07/12	PX47	07/12	Bán laptop cho Vũ Hồng Hạnh	156	13.000.000	
08/12	PX48	08/12	Bán máy tính cho Công ty Vân Quý	156	70.238.150	
15/12	PX55	15/12	Bán màn hình máy tính cho Công ty TNHH Thành Lương	156	95.000.000	
17/12	PX57	17/12	Bán hàng cho Công ty Phú Hưng	156	100.000.000	
			.....			
31/12	PKT 75	31/12	Kết chuyển	911		8.723.346.707
			- Cộng số phát sinh		8.723.346.707	8.723.346.707
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.8. Sổ cái TK 156**

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

Tài khoản : 156 - Hàng hóa

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ		<b><u>122.400.000</u></b>	
			- Số phát sinh trong kỳ			
03/12	PN30	03/12	Mua linh kiện máy tính Công ty Hải Hà	133 331	135.013.000	
07/12	PX47	07/12	Bán laptop cho Vũ Hồng Hạnh	632		13.000.000
08/12	PX48	08/12	Bán máy tính cho Công ty Vân Quý	632		70.238.150
15/12	PX55	15/12	Bán màn hình máy tính cho Công ty TNHH Thành Lương	632		95.000.000
17/12	PX57	17/12	Bán hàng cho Công ty Phú Hưng	632		100.000.000
			.....			
			- Cộng số phát sinh		<b>9.234.388.517</b>	<b>8.723.346.707</b>
			- Số dư cuối kỳ		<b><u>633.441.810</u></b>	

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)



### 2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ khác có liên quan.

#### ❖ Tài khoản sử dụng

- TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh
- Tài khoản này bao gồm 2 tiểu khoản :
  - + TK 6421: Chi phí bán hàng
  - + TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131...

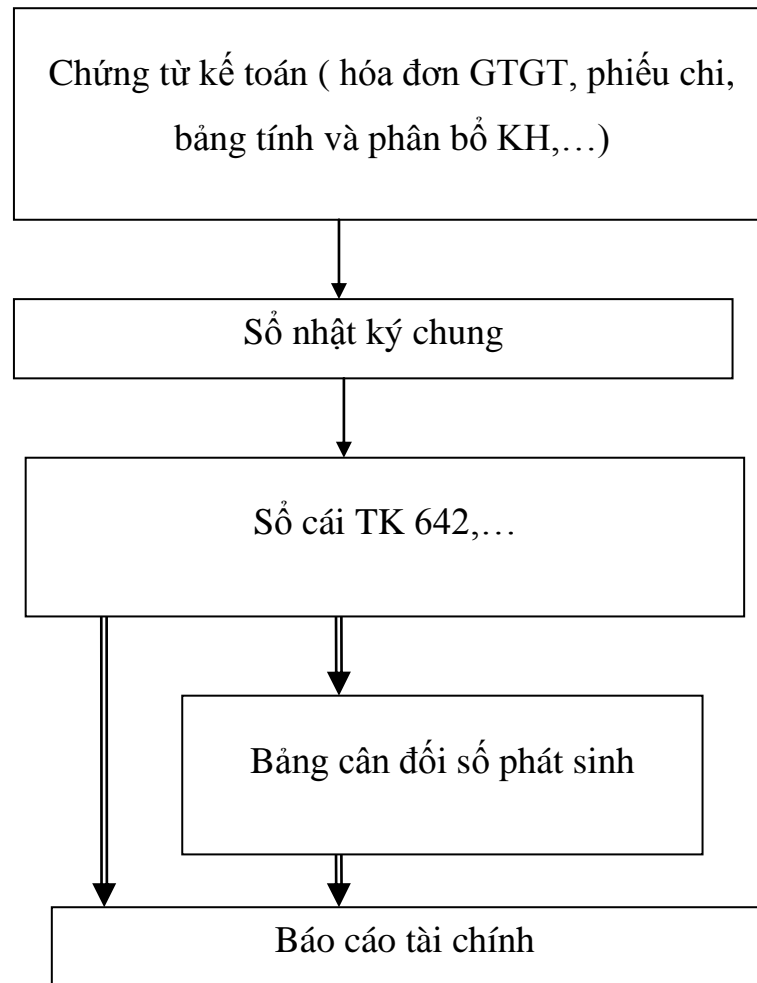
#### ❖ Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến chi phí bán hàng như Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642 và các tài khoản khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am được khái quát qua sơ đồ sau đây:

### Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am



**Ghi chú:**

- + Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
- + Ghi vào cuối kỳ  $\Longrightarrow$

**❖ Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 2:** Ngày 18/12/2014 Công ty TNHH điện máy Ngọc Am thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho công ty TNHH Ngọc Mùi, số tiền 800.000 đồng, chưa VAT 10%, thanh toán bằng tiền mặt

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.9) và phiếu chi (biểu số 2.10), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.11).

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.12), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

## Khóa luận tốt nghiệp

### **Biểu số 2.9. Hóa đơn GTGT**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 18 tháng 12 năm 2014			<b>Mẫu số: 01 GTKT/001</b> AA/14B 0009025			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Ngọc Mùi Địa chỉ: xã Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng Điện thoại: 031.3975826						Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM						
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am Địa chỉ: khu Đường 10, xã Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng Mã số thuế: 0201150132 Điện thoại: 031.3959368						Số tài khoản:
STT	Tên hàng hoá	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1.	Mua văn phòng phẩm			800.000	800.000	
		Cộng tiền hàng:			800.000	
	Thuế suất thuế GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:			80.000	
		<b>Tổng cộng thanh toán</b>			<b>880.000</b>	
Số tiền viết bằng chữ: tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn						
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)		

# Khóa luận tốt nghiệp

---

## **Biểu số 2.10. Phiếu chi**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** 02 - TT

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU CHI**

Số: PC00047

Nợ TK 6422: 800.000

Nợ TK 133 : 80.000

Có TK 111 : 880.000

Người nhận tiền: Trần Thị Hằng

Địa chỉ: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Lý do: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 880.000

Bằng chữ: Tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....

Đã nhận đủ số tiền ( Viết bằng chữ): Tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Nhận, ngày 18 tháng 12 năm 2014

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
( Ký, họ tên)	( Ký, họ tên)	( Ký, họ tên)	( Ký, họ tên)	( Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.11. Sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** S03A - DNN

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
			.....					
18/12	HĐGTGT 0009025	18/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	x	x	6422 133 1111	800.000 80.000	880.000
			.....					
			<b>- Cộng phát sinh</b>				<b>101.281.350.618</b>	<b>101.281.350.618</b>

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang .....

- Ngày mở sổ: 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.12. Sổ cái TK 642**

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

Tài khoản : 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
14/12	PC 00043	14/12	Chi tiếp khách bằng tiền mặt	111	13.000.000	
16/12	PC 00045	16/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	1.200.000	
18/12	PC 00047	18/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	880.000	
			.....			
31/12	PKT 76	31/12	Kết chuyển	911		459.331.037
			- Cộng số phát sinh		<b>459.331.037</b>	<b>459.331.037</b>
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am chủ yếu bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, thu lãi từ tiền bán hàng chậm trả cho khách hàng, chiết khấu thanh toán được hưởng cơ thanh toán trước hạn cho nhà cung cấp.

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu trả lãi tài khoản
- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- Bảng tính lãi bán hàng trả chậm
- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu chi, giấy báo nợ, hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ khác có liên quan...

#### ❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính
- Và các tài khoản khác liên quan

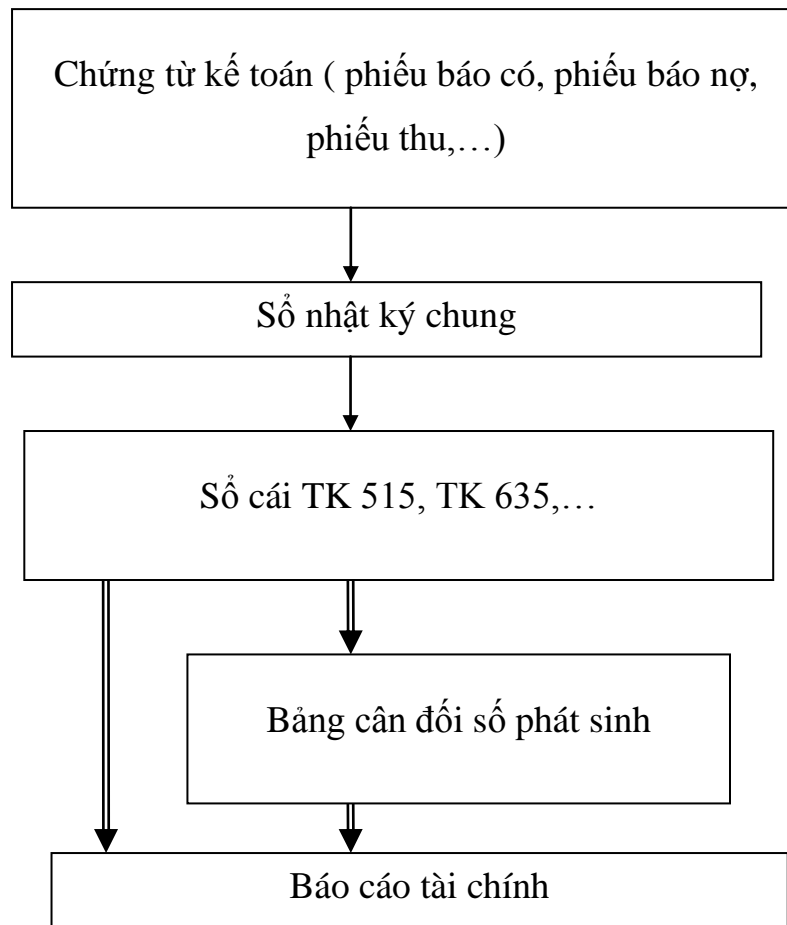
#### ❖ Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến doanh thu, chi phí hoạt động tài chính như phiếu báo có, phiếu báo nợ, phiếu thu, phiếu chi,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 515, TK 635,... Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

**Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am**



**Ghi chú:**

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi vào cuối kỳ ⇒

**❖ Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 3:** Ngày 31/12/ 2014 Công ty TNHH điện máy Ngọc Am nhận được giấy báo có của Ngân hàng Thương mại Á Châu về tiền lãi nhận được số tiền 985.435 đồng.

Kế toán căn cứ vào giấy báo có ( biểu số 2.12) ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.13). Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.14). Sau đó, tổng hợp số liệu các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và được dung làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.



**Biểu số 2.13. Giấy báo có**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: PTAH

Mã KH: 15690

Số: 324

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 31/12/2014

Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM

Hôm nay cúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có : 3469298

Số tiền bằng số : 985.435

Số tiền bằng chữ : Chín trăm tám mươi năm nghìn bốn trăm ba mươi năm đồng chẵn

Nội dung: ## LÃI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG THÁNG 12/2014 ##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.14. Sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** S03A - DNN

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
			.....					
13/12	GBN 123	13/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietcombank	x	x	635 112	3.115.086	3.115.086
31/12	GBC 324	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Thương mại Á Châu	x	x	112 515	985.435	985.435
			.....					
			<b>- Cộng phát sinh</b>				<b>101.281.350.618</b>	<b>101.281.350.618</b>

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang .....

- Ngày mở sổ: 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## Biểu số 2.15. Sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tài khoản : 515 - doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	GBC 324	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Thương mại Á Châu	112		985.435
			.....			
31/12	PKT 74	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	<b>3.458.448</b>	
			- Cộng số phát sinh		<b>3.458.448</b>	<b>3.458.448</b>
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

Người ghi sổ  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2014, Công ty TNHH điện máy Ngọc Am không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

### 2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động SXKD là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng thuần (Doanh thu thuần) với giá vốn hàng đã bán (của sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ); giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính; giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác (nếu có) sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trên Phiếu kế toán, rồi xác định thuế TNDN phải nộp và kết chuyển lãi, lỗ sang TK421. Sau đó, kế toán căn cứ vào các Phiếu kế toán đã lập để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

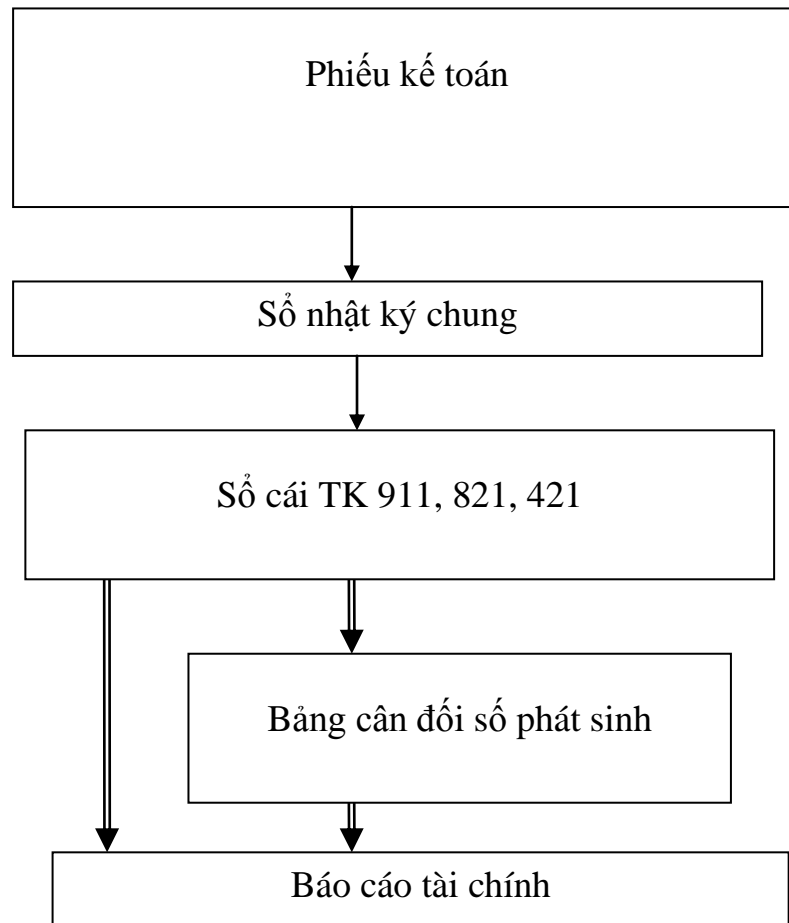
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Và các tài khoản khác có liên quan

#### ❖ Quy trình hạch toán

Cuối năm, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu kế toán, kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành vào Sổ cái tài khoản có liên quan. Từ sổ cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

**Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am**



**Ghi chú:**

- + Ghi hàng ngày —————→
- + Ghi vào cuối kỳ ══════════→

**❖ Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 4:** Ngày 31/12/2014, tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am kế toán tập hợp được số liệu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:
- Các khoản giảm trừ doanh thu:
- Giá vốn hàng bán:
- Doanh thu hoạt động tài chính:
- Chi phí tài chính:
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:
- Thu nhập khác và chi phí khác:

- ✓ **Xác định kết quả sản xuất kinh doanh**
  - Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là:  
 $9.226.006.000 - 0 = 9.226.006.000$
  - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là:  
 $9.226.006.000 - 8.723.346.707 = 502.659.293$
  - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là:  
 $502.659.293 - 3.458.448 - 6.094.023 - 459.331.037 = 40.692.681$
  - Lợi nhuận khác = 0
  - **Tổng kết quả sản xuất kinh doanh = 40.692.681 > 0 suy ra trong năm công ty làm ăn có lãi**
  - **Thuế TNDN phải nộp = 40.692.681 × 20% = 8.138.536**
  - **Lợi nhuận sau thuế = 40.692.681 × 80% = 32.554.145**
- ✓ **Kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911**
  - Kết chuyển doanh thu: Nợ TK 511: 9.226.006.000  
Nợ TK 515: 3.458.448  
Có TK 911: 9.229.464.448
  - Kết chuyển giá vốn, chi phí: Nợ TK 911: 9.188.771.767  
Có TK 632: 8.723.346.707  
Có TK 635: 6.094.023  
Có TK 642: 459.331.037
  - Kết chuyển thuế TNDN: Nợ TK 821: 8.138.536  
Có TK 3334: 8.138.536  
Nợ TK 911: 8.138.536  
Có TK: 8.138.536
  - Kết chuyển lãi: Nợ TK 911: 32.554.145  
Có TK 421: 32.554.145

Kê toán căn cứ vào phiếu kế toán số 73 (biểu số 2.15), phiếu kế toán số 74 (biểu số 2.16), phiếu kế toán số 75 (biểu số 2.17), phiếu kế toán số 76 (biểu số 2.18), phiếu kế toán số 77 (biểu số 2.19) và phiếu kế toán số 78 (biểu số 2.20) để ghi vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.21). Sau đó, tổng hợp số liệu từ các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và được dùng làm căn cứ để lập Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (biểu số 2.22).

## Khóa luận tốt nghiệp

---

### **Biểu số 2.16. Phiếu kế toán**

#### **CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 73

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	9.226.006.000
		Cộng				9.226.006.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

### **Biểu số 2.17. Phiếu kế toán**

#### **CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 74

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.458.448
		Cộng				3.458.448

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

**Biểu số 2.18. Phiếu kế toán**

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 75

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.723.346.707
		Cộng				8.723.346.707

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

**Biểu số 2.19. Phiếu kế toán**

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 76

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	459.331.037
		Cộng				459.331.037

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)



## Khóa luận tốt nghiệp

---

### **Biểu số 2.20. Phiếu kế toán**

#### **CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 77

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	6.094.023
		Cộng				6.094.023

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

### **Biểu số 2.21. Phiếu kế toán**

#### **CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 78

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	821	3334	8.138.536
		Cộng				8.138.536

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

---

### **Biểu số 2.22. Phiếu kế toán**

#### **CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 79

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	8.138.536
		Cộng				8.138.536

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

### **Biểu số 2.23. Phiếu kế toán**

#### **CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM**

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN - HP

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 80

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển lãi	911	421	32.554.145
		Cộng				32.554.145

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(ký tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.24. Sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** S03B - DNN

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP ( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2014

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
		.....			
PKT73	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	9.226.006.000	9.226.006.000
PKT74	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	3.458.448	3.458.448
PKT75	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	8.723.346.707	8.723.346.707
PKT76	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	459.331.037	459.331.037
PKT77	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	6.094.023	6.094.023
PKT78	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	8.138.536	8.138.536
PKT79	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911 821	8.138.536	8.138.536
PKT80	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	32.554.145	32.554.145
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>x</b>	<b>101.281.350.618</b>	<b>101.281.350.618</b>

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.25. Sổ cái TK 821**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** S03B - DNN

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm: 2014

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
PKT78	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	8.138.536	
PKT79	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		8.138.536
		<b>Cộng số phát sinh</b>	<b>x</b>	<b>8.138.536</b>	<b>8.138.536</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>x</b>		

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.26. Sổ cái TK 421**

**Đơn vị:** Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

**Mẫu số:** S03B - DNN

**Địa chỉ:** Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Năm: 2014

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b><u>57.280.469</u></b>
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
PKT80	31/12	Kết chuyển lãi	911		32.554.145
		<b>Cộng số phát sinh</b>	<b>x</b>		<b>32.554.145</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>x</b>		<b><u>89.834.614</u></b>

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## Biểu số 2.27. Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP ( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tài khoản : 911 - xác định kết quả kinh doanh

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh			
31/12	PKT 73	31/12	Kết chuyển DTBH	511		9.226.006.000
31/12	PKT 74	31/12	Kết chuyển DTTC	515		3.458.448
31/12	PKT 75	31/12	Kết chuyển GVHB	632	8.723.346.707	
31/12	PKT 76	31/12	Kết chuyển CPTC	635	6.094.023	
31/12	PKT 77	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	459.331.037	
31/12	PKT 79	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	8.138.536	
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển lãi	421	32.554.145	
			- Cộng số phát sinh		<b>9.229.464.448</b>	<b>9.229.464.448</b>
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31/12/2014

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.28. Báo cáo KQHĐKD**

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 - Tân Dương - TN – HP

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2014**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	9,226,006,000	7,206,141,921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		9,226,006,000	7,206,141,921
4. Giá vốn hàng bán	11		8,723,346,707	6,716,246,898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		502,659,293	489,895,023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,458,448	6,317,881
7. Chi phí tài chính	22		6,094,023	5,773,165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		459,331,037	435,202,790
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		40,692,681	55,236,949
10. Thu nhập khác	31			380,000,000
11. Chi phí khác	32			363,636,363
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			16,363,637
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	40,692,681	71,600,586
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		8,138,536	14,320,117
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		32,554,145	57,280,469

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

( Ký, họ tên)

Giám đốc

( Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY NGỌC AM

#### 3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Công ty TNHH điện máy Ngọc Am là một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, hoạt động trong lĩnh vực thương mại với chức năng chủ yếu là tiêu thụ hàng hóa, đưa hàng hóa ra lưu thông và đến tay người tiêu dùng. Công ty luôn hoàn thành tốt chức năng của mình cũng như nghĩa vụ đối với Nhà nước

Trong điều kiện mở cửa nền kinh tế thị trường, ban lãnh đạo Công ty đã linh hoạt đưa ra nhiều biện pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn và hòa nhập nhịp sống của công ty với nhịp sống của cơ chế thị trường. Công ty đã hiểu được tầm quan trọng của doanh thu, chi phí tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nên trong công tác quản trị doanh nghiệp bộ phận kế toán của Công ty đã đặc biệt quan tâm chú trọng tới công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong thời gian thực tập tại Công ty, được tiếp xúc với bộ máy kế toán em xin nêu ra một vài nhận xét như sau:

##### 3.1.1. Ưu điểm

- **Thứ nhất:** về bộ máy tổ chức kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với điều kiện kinh doanh của một doanh nghiệp mới được thành lập và hạch toán độc lập đồng thời tạo điều kiện cho kế toán kiểm tra và giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả. Đội ngũ kế toán của phòng kế toán có trình độ cao, được phân công rõ ràng theo từng phần hành kế toán phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn, do đó công tác kế toán đạt hiệu quả cao và hạn chế nhiều sai sót.

- **Thứ hai:** về hình thức kế toán, sổ kế toán, chứng từ kế toán

Trong điều kiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên và có giá trị lớn nên việc công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung là hoàn toàn hợp lý giúp cho công tác quản lý chặt chẽ và có hiệu quả.

Hệ thống sổ sách kế toán được công ty áp dụng đúng với các quy định tài chính hiện hành. Bộ chứng từ kế toán mà công ty sử dụng đúng theo biểu mẫu quy định, tổ chức luân chuyển hợp lý, nhanh chóng kịp thời đảm bảo công tác kế toán thực hiện có hiệu quả.

- **Thứ ba:** về hàng hóa

Công ty có nhiều biện pháp bảo quản, lưu trữ hàng hóa. Khi nhập kho hàng hóa, công ty kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ đảm bảo xuất cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao. Hàng hóa của công ty được phân loại thành các nhóm hàng có cùng nội dung, công dụng, tính chất rõ ràng, hợp lý và



cụ thể. Kế toán đánh giá và phản ánh trị giá hàng nhập theo đúng các nguyên tắc kế toán và áp dụng linh hoạt tình hình thực tế tại công ty.

- **Thứ tư:** kế toán hàng tồn kho

Việc công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên rất phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty, đảm bảo cung cấp thường xuyên liên tục về tình hình nhập xuất tồn hàng hóa tại công ty phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý.

- **Thứ năm:** kế toán bán hàng

Phòng kinh doanh và phòng kế toán cùng hoạt động ăn khớp với nhau, thường xuyên có sự kiểm tra đối chiếu số liệu đảm bảo quản lý hàng hóa một cách chặt chẽ, tránh mọi hao hụt, mất mát về hiện vật.

- **Thứ sáu:** kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán về doanh thu, chi phí hạch toán kịp thời: các khoản doanh thu bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính,... phát sinh trong kỳ đều được theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm, từng cửa hàng, từng khách hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí.

Để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều phương thức thanh toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng. Khách hàng có thể trả tiền ngay hoặc trả theo ký kết hợp đồng. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng phương thức trả chậm đối với những khách hàng thường xuyên, những khách hàng có độ tin cậy cao.

### 3.1.2. Nhược điểm

- **Thứ nhất:** về ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác kế toán

Công ty đã đầu tư máy móc vào công việc kế toán nhưng chỉ đơn thuần là việc ghi chép vào máy tính, sử dụng Excel trong tính toán nhưng công ty chưa thực sự máy tính hóa – chưa áp dụng các phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán tại đơn vị.

- **Thứ hai:** Công ty áp dụng cả hình thức thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm nhưng hiện nay trong công tác kế toán công ty vẫn chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Vì vậy khi có trường hợp không đòi được số nợ ( khách hàng trốn nợ hoặc không có khả năng thanh toán nợ ) thì việc phản ánh doanh thu bán hàng của công ty sẽ không được đảm bảo chính xác và hợp lý.

- **Thứ ba:** Công ty không mở các sổ nhật ký chuyên dùng như sổ nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền điều này làm cho công ty gặp khó khăn trong việc

theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng nhất là hình thức bán hàng thu tiền sau.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am**

Hoàn thiện công tác kế toán là yêu cầu cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp nhằm thúc đẩy quá trình hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý. Trong thời gian thực tập được tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am em nhận thấy: về cơ bản công ty đã tuân thủ đúng chế độ kế toán Nhà nước và Bộ tài chính ban hành đồng thời cũng rất phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực mà công ty đã đạt được, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vẫn không tránh khỏi những mặt còn tồn tại chưa hợp lý và chưa thật tối ưu.

Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực tế tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty như sau:

#### **3.2.1. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty**

Hiện nay, công tác kế toán tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am vẫn được thực hiện một cách thủ công. Mặc dù phòng Kế toán - Tài chính được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Excel. Công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán hoặc có thể đặt hàng công ty chuyên nghiệp viết phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty và cài đặt để sử dụng.

Theo em công ty có thể lựa chọn một số phần mềm kế toán sau:

- Phần mềm kế toán MISA: cụ thể là phần mềm MISA SME.NET 2012.

Phần mềm này áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ tiếp cận, dễ cài đặt, dễ sử dụng, quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến. Quản lý tổng quan tình hình tài chính một cách tập trung giúp nhà quản trị luôn nắm được tình hình sức khỏe của doanh nghiệp. Cập nhập các chế độ kế toán tài chính mới nhất, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm...

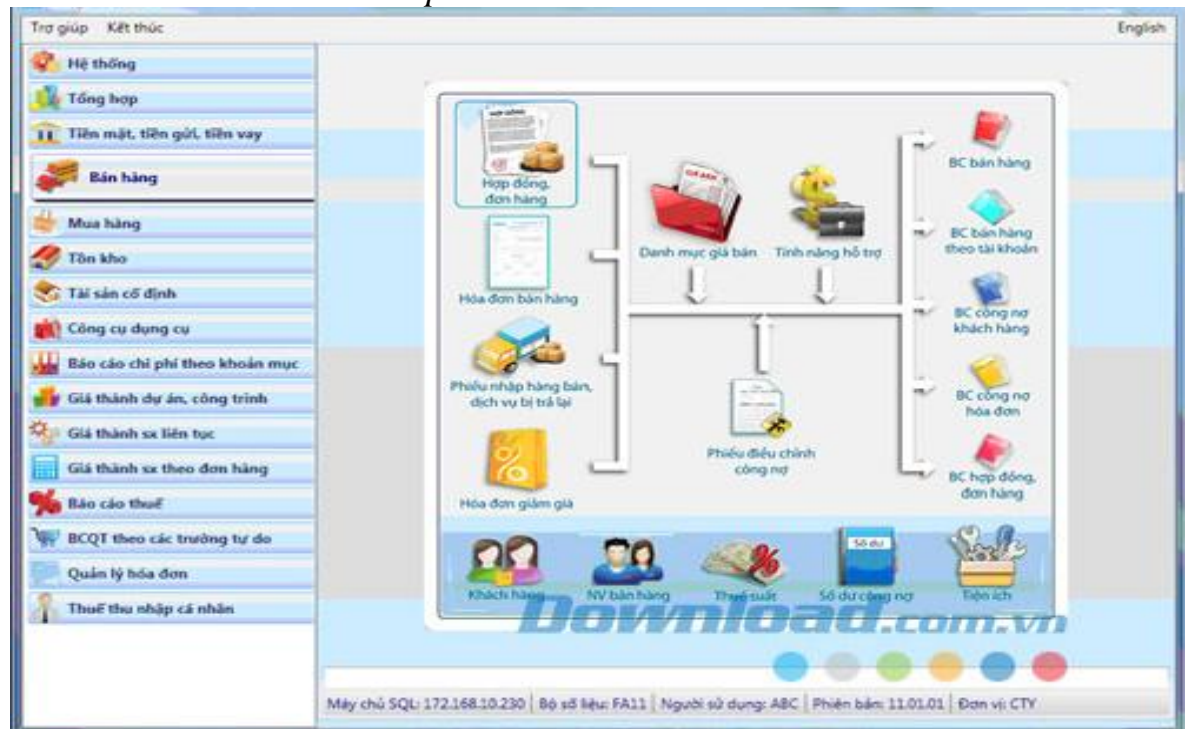
# Khóa luận tốt nghiệp

## Màn hình phần mềm kế toán MISA



- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2011: là công cụ hữu hiệu giúp làm kế toán nhanh

## Màn hình phần mềm kế toán FAST 2011



### 3.2.2. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hiện nay vẫn chưa sử dụng. Vì thế công ty nên tiến hành trích lập dự phòng, bởi vì khách hàng của công ty hiện nay trả chậm khá nhiều, có các khách hàng mua hàng đã lâu, quá hạn hợp đồng nhưng vì nhiều lý do không thích hợp mà vẫn chưa thanh toán cho công ty.

- Mức trích lập: (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 120% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Tài khoản sử dụng: TK 159 – “Các khoản dự phòng”

- Tài khoản 159 có 3 TK cấp 2:

- + TK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
- + TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi
- + TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Kết cấu tài khoản:

- ✓ Bên Nợ

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

- Xóa các khoản giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

- ✓ Bên Có

- Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho được lập tính vào chi phí quản lý.

- Dư có: Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 6422:

Có TK 1592:

- Nếu dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592:

Có TK 6422:

- Xóa nợ:

Nợ TK 1592: (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 6422: (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112:

Có TK 711:

Đồng thời ghi Có TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý.

### 3.2.3. Chính sách ưu đãi

Nên có nhiều chính sách ưu đãi hơn nữa đối với những khách hàng quen biết lâu năm hoặc những khách hàng lớn. Chẳng hạn công ty có thể giảm trị giá hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó nếu họ ký kết với công ty một hợp đồng có trị giá lớn hoặc thanh toán nhanh. Vào cuối quý công ty nên tính tổng giá trị các hợp đồng của những khách hàng đó để xác định xem khách hàng nào là lớn nhất để có một hình thức ưu đãi phù hợp. Hoặc đối với một hợp đồng lớn thì có thể thưởng cho người ký hợp đồng hay người giới thiệu một tỷ lệ hoa hồng nào đó tùy theo trị giá bản hợp đồng.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, những hình thức ưu đãi hợp lý, linh hoạt trong bán hàng sẽ là công cụ rất mạnh mẽ để thu hút khách hàng, tăng cường khả năng tiêu thụ sản phẩm, tăng lợi nhuận kinh doanh.

### 3.2.4. Lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền

Vì là công ty thương mại nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại công ty tương đối lớn, nhập xuất hàng hóa cũng diễn ra thường xuyên. Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký thu tiền, Nhật ký bán hàng để giảm bớt khối lượng ghi Sổ cái và phù hợp với hình thức Nhật ký chung.

Ngày ký thu tiền là sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của doanh nghiệp. Mẫu sổ này được mở riêng cho thu tiền mặt, thu qua ngân hàng, cho từng loại tiền hoặc cho từng nơi thu.

Ngày ký bán hàng là sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như: bán hàng hóa, bán thành phẩm,... Sổ nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng thu tiền sau (bán chịu).

## Khóa luận tốt nghiệp

Trường hợp người mua trả tiền trước khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng cung ghi vào sổ này.

### **Biểu số 3.1. Sổ nhật ký bán hàng**

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số : S04 – DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 – Tân Dương – TN – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

### **SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**

Năm...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua	Ghi có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
			.....				
			Cộng chuyển sang trang sau				

Số này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày... tháng ... năm...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## Biểu số 3.2. Sổ nhật ký thu tiền

Đơn vị: Công ty TNHH điện máy Ngọc Am

Mẫu số : S04 – DNN

Địa chỉ: Khu đường 10 – Tân Dương – TN – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

### SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có các tài khoản			
	Số hiệu	Ngày tháng			...	...	Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			.....					
			Cộng chuyển sang trang sau					

Số này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày... tháng ... năm...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH điện máy Ngọc Am đã giúp em hiểu và nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cũng tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Trên đây là một số ý kiến, đánh giá và giải pháp của cá nhân em nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH điện máy Ngọc Am.

Do kiến thức có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế nên bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn các cán bộ công nhân viên Công ty TNHH điện máy Ngọc Am đã giúp đỡ em nhiệt tình trong quá trình thực tập. Đặc biệt em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thạc sĩ Phạm Thị Mai Quyên người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa đã giúp đỡ em tận tình để em có thể hoàn thành bài khóa luận.

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2015*

*Sinh viên*

*Trần Thị Hương*